

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC GELEX**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 107./2023/GE - CBTT

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Điện lực Gelex Mã chứng khoán: GEE
Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024 73012344
Fax: 024 36331510

Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Tuấn Anh

Địa chỉ: Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam.

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (GELEX ELECTRIC) trân trọng công bố: Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 19/04/2023 kèm theo Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/04/2023 tại đường dẫn: tại đường dẫn: <https://gelex-electric.com/quan-he-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 kèm theo Điều lệ được sửa đổi, bổ sung.

Người được ủy quyền công bố thông tin



Phạm Tuấn Anh

Số: 01 /2023/BB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2023

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

Tên Doanh nghiệp:	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (Công ty)
Trụ sở chính:	Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã chứng khoán:	GEE (Sàn giao dịch: UpCOM)
Giấy chứng nhận ĐKKD:	Số 0107547109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/08/2016 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 15/11/2022.
Thời gian họp:	08h30, ngày 19 tháng 04 năm 2023
Hình thức tổ chức Đại hội:	Họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử
Địa điểm:	- Địa điểm tham dự trực tuyến là bất kỳ địa điểm nào do cổ đông hoặc người được ủy quyền tự lựa chọn để có thể đăng nhập tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) trực tuyến và bỏ phiếu điện tử theo hướng dẫn của Công ty. - Địa điểm điều hành Đại hội (Địa điểm tham dự của Chủ tọa, Đoàn chủ tịch, Ban tổ chức Đại hội): Tầng 11, Tòa nhà Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT, Số 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

- Các cổ đông thuộc Danh sách người sở hữu chứng khoán được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 20/03/2023 hoặc đại diện theo ủy quyền của các cổ đông này tham dự Đại hội (Sau đây gọi chung là “Đại biểu”).
- Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty.
- Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Ban Kiểm soát (“BKS”) Công ty.
- Đại diện Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (Đơn vị kiểm toán đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty)

II. KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Ông Vũ Đức Tùng – thay mặt Ban tổ chức tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
2. Ông Vũ Đức Tùng – Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu, báo cáo kết quả thẩm tra tư cách Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX như sau:

Tính đến thời điểm 8 giờ 30 phút ngày 19/04/2023, đã có 11 đại biểu tham dự đại hội đại diện cho 292.207.900 cổ phần, tương đương 292.207.900 phiếu biểu quyết, chiếm

97,4026% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty. (Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết).

Kết luận: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ Công ty.

Căn cứ Khoản 6 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020 thì sau khi cuộc họp đã khai mạc, Đại biểu vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Do đó, số lượng Đại biểu dự họp tại mỗi thời điểm nếu có bổ sung thêm sẽ được ghi nhận lại khi biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội.

3. Ông Vũ Đức Tùng – thay mặt Ban Tổ chức giới thiệu Chủ tọa Đại hội là Ông Nguyễn Văn Tuấn – Chủ tịch HĐQT Công ty.
4. Ông Nguyễn Văn Tuấn – Chủ tọa Đại hội giới thiệu các thành viên cùng lên điều hành Đại hội gồm:
 - Ông Nguyễn Trọng Tiểu – Chức danh: Thành viên HĐQT Công ty;
 - Ông Đặng Phan Tường – Chức danh: Thành viên HĐQT Công ty;
 - Ông Đỗ Duy Hưng – Chức danh: Thành viên HĐQT Công ty;
 - Ông Nguyễn Trọng Trung – Chức danh: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
5. Ông Nguyễn Văn Tuấn – Chủ tọa Đại hội giới thiệu các thành viên Đoàn Thư ký Đại hội gồm:
 - Bà Đinh Thị Tình – Chức danh: Trưởng Ban Thư ký HĐQT Công ty - Trưởng đoàn
 - Bà Nguyễn Thị Quyên – Chức danh: Chuyên viên pháp chế - Thành viên
6. Ông Nguyễn Văn Tuấn – Chủ tọa Đại hội giới thiệu Danh sách thành viên Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua gồm:
 - Ông Vũ Đức Tùng – Chức danh: Trưởng Ban Tổng hợp Công ty - Trưởng Ban
 - Ông Ngô Hải Long – Chức danh: Phó ban phụ trách Ban Kinh doanh Công ty - Thành viên
 - Bà Lưu Thị Phượng – Chức danh: Chuyên viên pháp chế Công ty - Thành viên
7. Ông Nguyễn Văn Tuấn giới thiệu Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020 -2025 (như đính kèm Biên bản họp này).
8. Đại hội biểu quyết thông qua Danh sách Ban Kiểm phiếu, Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020 -2025 như sau:

Tính đến thời điểm: 8 giờ 41 phút, số lượng đại biểu dự họp là: 13 đại biểu, đại diện cho: 292.267.300 phiếu biểu quyết, chiếm: 97,4224 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

* Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu điện tử.

*** Kết quả biểu quyết cho từng nội dung như sau:**

Ghi chú: Kết quả do phần mềm tổng hợp và tỷ lệ % được làm tròn đến 4 số thập phân

STT	Nội dung thông qua	Tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp	Số phiếu và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp				
			Hợp lệ	Không hợp lệ	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Danh sách Ban kiểm phiếu	292.256.700	292.256.700	0	292.256.700	0	0
			100%	0%	100%	0%	0%
2	Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	292.256.700	292.256.700	0	292.256.700	0	0
			100%	0%	100%	0%	0%
3	Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	292.256.700	292.256.700	0	292.256.700	0	0
			100%	0%	100%	0%	0%
4	Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020 -2025	292.256.700	292.256.700	0	292.256.700	0	0
			100%	0%	100%	0%	0%

Như vậy, với tỷ lệ biểu quyết tán thành tương ứng với từng vấn đề nêu trên, Đại hội đã thống nhất thông qua các vấn đề như sau:

- Danh sách Ban kiểm phiếu với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;

- Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 với tỷ lệ 100 % tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
- Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
- Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020 -2025 với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

III. TRÌNH BÀY NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI

1. Ông Nguyễn Trọng Trung -Thành viên HĐQT kiêm TGĐ Công ty trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc.
2. Ông Nguyễn Trọng Tiêu – Thành viên HĐQT – trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị.
3. Bà Nguyễn Thị Huyền – Trưởng Ban Kiểm soát - trình bày Báo cáo của Ban Kiểm soát.
4. Ông Vũ Đức Tùng – đại diện Ban tổ chức Đại hội - trình bày Tờ trình số 01/TTr-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2023 của HĐQT về các vấn đề cần được ĐHĐCĐ thông qua:
 - Vấn đề 1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 (bao gồm Báo cáo Tài chính riêng năm 2022 và Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán);
 - Vấn đề 2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022;
 - Vấn đề 3. Các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2023;
 - Vấn đề 4. Thông qua miễn nhiệm 01 (một) thành viên HĐQT do có đơn từ nhiệm và bầu bổ sung 01 (một) thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025;
 - Vấn đề 5. Thông qua miễn nhiệm 02 thành viên BKS do có đơn từ nhiệm và bầu bổ sung 02 thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025;
 - Vấn đề 6. Mức thu nhập, thù lao năm 2022 và kế hoạch thu nhập, thù lao năm 2023 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Vấn đề 7. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2023;
 - Vấn đề 8. Việc chọn Công ty kiểm toán độc lập phục vụ kiểm toán các hoạt động khác của Công ty khi phát sinh theo yêu cầu công việc;
 - Vấn đề 9. Giao dịch với Người có liên quan của Công ty năm 2023;
 - Vấn đề 10. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - Vấn đề 11. việc đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) khi cổ phiếu của Công ty đủ Điều Kiện Niêm Yết.

IV. ĐẠI HỘI TIẾN HÀNH THẢO LUẬN

Tiếp theo, Đoàn chủ tịch điều hành Đại hội thảo luận và giải đáp các vấn đề cổ đông quan tâm. Các nội dung thảo luận tại Đại hội và giải trình của Đoàn chủ tịch như sau:

STT	Mã đại biểu	Nội dung câu hỏi	Trả lời
	GEE.000392	Vì sao Kết quả kinh doanh năm 2022 của Công ty có doanh thu giảm so với 2021 nhưng lợi nhuận lại tăng?	Doanh thu 2022 giảm 2.050 tỷ đồng so với thực hiện năm 2021 tương ứng mức giảm 11% so với 2021 trong đó nhóm Thiết bị điện giảm 2.700 tỷ do ảnh hưởng của việc di dời nhà máy CFT và THIBIDI. Mặt khác,

			<p>tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, khách hàng EVN giảm công tác mua sắm cũng góp phần làm giảm doanh thu mảng SKXD của khối thiết bị điện.</p> <p>Tuy nhiên, về mảng phát điện, việc hợp nhất doanh thu của mảng phát điện cả năm 2022 so với 2021 chỉ bao gồm Quý 4 dẫn tới doanh thu mảng này tăng so với 2021 là 647 tỷ đồng.</p> <p>Mặc dù doanh thu có sự sụt giảm, tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế năm 2022 thực hiện ở mức 1.120 tỷ đồng tăng 303 tỷ so với 2021 do trong năm 2022, Công ty ghi nhận lợi nhuận liên quan đến doanh thu hoạt động tài chính phát sinh chủ yếu từ lãi thoái một phần khoản đầu tư tài chính dài hạn và lãi từ công ty liên kết là Gelex Hạ tăng cao hơn so với cùng kỳ năm 2021.</p>
GEE.000392 GEE.000227	Đề nghị Công ty cho biết tình hình hoạt động kinh doanh Q1/2023 và khả năng đạt chỉ tiêu kế hoạch 2023?	KQKD hợp nhất sơ bộ Q1/2023 của Công ty như sau:	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu hợp nhất: 3.400 tỷ đồng đạt 17,5% kế hoạch doanh thu cả năm. - Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 135 tỷ đồng đạt 14,6% kế hoạch LNTT cả năm – bám sát và đạt cao hơn lợi nhuận kế hoạch quý mà Công ty đặt ra, tuy nhiên, thấp hơn so với cùng kỳ Q1/2022 do cùng kỳ năm trước phát sinh khoản lãi thoái một phần khoản đầu tư tại Hạ tầng Gelex. <p>Công ty và nhóm các CTTV trong khối sẽ bám sát biến động của thị trường để đưa ra các giải pháp kịp thời nhằm bám sát kế hoạch kinh doanh năm 2023 đã đề ra và phấn đấu và đạt kế hoạch 3 quý còn lại.</p>
GEE.000439	1. Việc niêm yết trên sàn giao dịch HCM dự kiến vào thời điểm nào?	Theo quy định tại điều 109 nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn luật chứng khoán, một trong những điều kiện niêm yết cổ phiếu là đã giao dịch trên sàn Upcom tối thiểu 2 năm. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cao nhất cho các cổ đông nếu thị trường thuận lợi thì Công ty sẽ thực hiện niêm yết cổ phiếu sau khi đạt được điều kiện về thời	

			gian giao dịch UPCOM và được ĐHĐCĐ 2023 thông qua, dự kiến trong khoảng quý 2/2024.
	GEE.000439	2. Thời gian sắp tới, Công ty có kế hoạch mở rộng đầu tư nào không?	Như đã nêu trong báo cáo Tổng Giám đốc tại Đại hội, trong năm 2023, Công ty dự kiến Nâng tỷ lệ sở hữu của THIBIDI tại Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh – CTCP nhằm tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh sản phẩm máy biến áp truyền tải. Ngoài ra, nếu phát sinh các cơ hội M&A có thể làm tăng giá trị các mảng cốt lõi của Công ty và đem lại giá trị cộng hưởng tốt, HĐQT sẽ cân nhắc và xem xét đưa ra quyết định phù hợp. - Công ty cũng mở rộng tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác quốc tế uy tín để sản xuất sản phẩm chất lượng cao, cung cấp cho thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.
	GEE.000227	Xin Đoàn chủ tọa cho biết có thông tin là GEE sẽ bán mảng phát điện, cụ thể là bán Gelex Quảng Trị. Vậy thông tin này có đúng không?	Tập đoàn đang có định hướng tái cấu trúc lại mảng phát điện, mục tiêu tái cấu trúc toàn bộ mảng phát điện để tạo ra nguồn vốn dự phòng trong điều kiện kinh doanh hiện nay, Công ty cũng đang tích cực tìm kiếm các đối tác phù hợp.
	GEE.000091	Với việc biến động liên tục của giá nguyên vật liệu đầu vào trong năm 2023 cũng như ảnh hưởng của lãi suất ngân hàng thì công ty đã có biện pháp gì để quản trị rủi ro các biến động đó.	Giá nguyên vật liệu đầu vào cũng như lãi suất vay ngân hàng có ảnh hưởng lớn đến biên lợi nhuận của các công ty sản xuất thiết bị điện vì đây là các yếu tố chiếm tỉ trọng lớn trong cấu thành giá thành sản phẩm. Tuy nhiên với kinh nghiệm tích lũy trong quá trình sản xuất kinh doanh, các công ty trong mảng sản xuất thiết bị điện như CADIVI, THIBIDI, EMIC ... luôn có các giải pháp kịp thời để đối phó với các biến động trên, kịp thời điều chỉnh/ đưa ra các giải pháp tăng cường để hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực như lên kế hoạch mua vật tư nguyên liệu chủ động để không đứt gãy chuỗi sản xuất, tối ưu sử dụng vốn, quản trị tối ưu hóa chi phí sản xuất, ... HĐQT cũng nhận định đây là thách thức để các công ty trong ngành nói chung cải thiện năng lực sản xuất kinh doanh và năng lực

			quản trị để cùng vượt qua thời kỳ khó khăn này.
	GEE.000091	Vị thế của Gelex Electric và tình hình cạnh tranh trong ngành thiết bị điện hiện nay như thế nào? Các đối thủ có gia tăng công suất mới không?	Cạnh tranh trên thị trường là một phần trong hoạt động SXKD chung của các đơn vị trên thị trường, không riêng một ngành nào. Theo Báo cáo của Tổng Giám đốc, hiện nay, các công ty thành viên của GELEX ELECTRIC trong ngành thiết bị điện như CADIVI, THIBIDI, EMIC... đều là các đơn vị đứng đầu thị trường. Tuy nhiên, các đối thủ đều có sự đầu tư phát triển, kế hoạch mở rộng sản xuất, chúng tôi chấp nhận việc này. Đây cũng là cơ hội để Công ty nâng cao hơn nữa năng lực SXKD, thương hiệu, và với năng lực hiện nay về công nghệ, quy mô sản xuất và thương hiệu của chúng ta, GELEX ELECTRIC hoàn toàn tự tin giữ vững được thị phần.
	GEE.000227	Tại sao nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 trả cổ tức 40% mà bây giờ lại trả có 20%?	Năm 2022, Công ty đặt ra kế hoạch thoái sở hữu vốn tại Công ty CP Hạ tầng GELEX. Tuy nhiên, điều kiện thị trường chưa phù hợp nên chưa thực hiện được kế hoạch thoái vốn này, do vậy, Công ty đề trình phương án điều chỉnh kế hoạch chia cổ tức từ 40% về 20% để đảm bảo nguồn vốn dự phòng cho các hoạt động trong tình hình SXKD hiện nay.

V. ĐẠI HỘI TIẾN HÀNH BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH

Tính đến thời điểm: 10 giờ 00 phút, số lượng đại biểu dự họp là: 14 đại biểu, đại diện cho: 292.290.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 97,4303% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

* **Phương thức biểu quyết:** bỏ phiếu điện tử.

* **Kết quả kiểm phiếu cho từng nội dung như sau:**

Ghi chú: Kết quả do phần mềm tổng hợp và tỷ lệ % được làm tròn đến 4 số thập phân

ST T	Nội dung thông qua	Tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết	Số phiếu biểu quyết và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết				
			Hợp lệ	Không hợp lệ	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến

1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	292.280.200	292.280.200	0	292.280.200	0	0
				100%	0%	100%	0%
2	Báo cáo của Hội đồng quản trị	292.280.200	292.280.200	0	292.280.200	0	0
				100%	0%	100%	0%
3	Báo cáo của Ban Kiểm soát	292.280.200	292.280.200	0	292.280.200	0	0
				100%	0%	100%	0%
4	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 (bao gồm BCTC riêng năm 2022 và BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán).	292.280.200	292.280.200	0	292.280.200	0	0
				100%	0%	100%	0%
5	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022	292.280.200	292.280.200	0	292.280.200	0	0
				100%	0%	100%	0%
6	Các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2023	292.280.200	292.280.200	0	292.280.200	0	0
				100%	0%	100%	0%
7	Miễn nhiệm 01 (một) thành viên HĐQT do có đơn từ nhiệm và bầu bổ sung 01 (một) thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025.	292.280.200	292.280.200	0	292.280.200	0	0
				100%	0%	100%	0%

8	Miễn nhiệm 02 thành viên BKS do có đơn từ nhiệm và bầu bổ sung 02 thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025.	292.280.200	292.280.200	0	292.280.200	0	0
9	Mức thu nhập, thù lao năm 2022 và kế hoạch thu nhập, thù lao năm 2023 của HĐQT, BKS	292.280.200	292.280.200	0	292.280.200	0	0
10	Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2023	292.280.200	292.280.200	0	292.280.200	0	0
11	Chọn Công ty kiểm toán độc lập phục vụ kiểm toán các hoạt động khác của Công ty khi phát sinh theo yêu cầu công việc	292.280.200	292.280.200	0	292.280.200	0	0
12	12.1 Giao dịch với Người có liên quan của Công ty năm 2023 – Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX (*)	51.984.600	51.984.600	0	51.984.600	0	0
	12.2 Giao dịch với Người có liên quan của Công ty năm	51.984.600	51.984.600	0	51.984.600	0	0

	2023 – Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai (**)		100%	0%	100%	0%	0%
	12.3 Giao dịch với Người có liên quan của Công ty năm 2023 – Công ty Dây đồng Việt Nam CFT (***)	51.984.600	51.984.600	0	51.984.600	0	0
			100%	0%	100%	0%	0%
13	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	292.280.200	292.280.200	0	292.280.200	0	0
			100%	0%	100%	0%	0%
14	Việc đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) khi cổ phiếu của Công ty đủ Điều Kiện Niêm Yết .	292.280.200	292.280.200	0	292.280.200	0	0
			100%	0%	100%	0%	0%

Ghi chú:

- (*) Do có 03 Đại biểu dự họp (chiếm 240.295.600 phiếu biểu quyết) không có quyền biểu quyết vì là người có liên quan đến các bên trong giao dịch nên sau khi loại phiếu theo quy định thì tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp đối với nội dung số 12.1 - Giao dịch với Người có liên quan của Công ty năm 2023 - Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX là 51.984.600 phiếu biểu quyết.
- (**) Do có 03 Đại biểu dự họp (chiếm 240.295.600 phiếu biểu quyết) không có quyền biểu quyết vì là người có liên quan đến các bên trong giao dịch nên sau khi loại phiếu theo quy định thì tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp đối với nội dung số 12.2 - Giao dịch với Người có liên quan của Công ty năm 2023- Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai là 51.984.600 phiếu biểu quyết.
- (***) Do có 03 Đại biểu dự họp (chiếm 240.295.600 phiếu biểu quyết) không có quyền biểu quyết vì là người có liên quan đến các bên trong giao dịch nên sau khi loại phiếu theo

quy định thì tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp đối với nội dung số 12.3 - Giao dịch với Người có liên quan của Công ty năm 2023 - Công ty Dây đồng Việt Nam CFT là 51.984.600 phiếu biểu quyết.

Như vậy, với tỷ lệ biểu quyết tán thành tương ứng với từng vấn đề nêu trên, Đại hội đã thống nhất thông qua các vấn đề như sau:

- ✓ Thông qua toàn văn Báo cáo của Tổng giám đốc (Báo cáo đính kèm) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
- ✓ Thông qua toàn văn Báo cáo của Hội đồng quản trị (Báo cáo đính kèm) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
- ✓ Thông qua toàn văn Báo cáo của Ban Kiểm soát (Báo cáo đính kèm) với tỷ lệ 100 % tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
- ✓ Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 (bao gồm BCTC riêng năm 2022 và BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán) (Theo Vấn đề 1 nêu tại Tờ trình số: 01/TTr-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2023) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
- ✓ Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 (Theo Vấn đề 2 nêu tại Tờ trình số: 01/TTr-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2023) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
- ✓ Thông qua Các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2023 (Theo Vấn đề 3 nêu tại Tờ trình số: 01/TTr-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2023) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
- ✓ Thông qua Miễn nhiệm 01 (một) thành viên HĐQT do có đơn từ nhiệm và bầu bổ sung 01 (một) thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025. (Theo Vấn đề 4 nêu tại Tờ trình số: 01/TTr-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2023) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
- ✓ Thông qua Miễn nhiệm 02 thành viên Ban kiểm soát (BKS) do có đơn từ nhiệm và bầu bổ sung 02 thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025. (Theo Vấn đề 5 nêu tại Tờ trình số: 01/TTr-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2023) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
- ✓ Thông qua Mức thu nhập, thù lao năm 2022 và kế hoạch thu nhập, thù lao năm 2023 của HĐQT, BKS (Theo Vấn đề 6 nêu tại Tờ trình số: 01/TTr-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2023);
- ✓ Thông qua Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2022 (Theo Vấn đề 7 nêu tại Tờ trình số: 02/TTr-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2023) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
- ✓ Thông qua Chọn Công ty kiểm toán độc lập phục vụ kiểm toán các hoạt động khác của Công ty khi phát sinh theo yêu cầu công việc (Theo Vấn đề 8 nêu tại Tờ trình số: 02/TTr-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2023) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;



- ✓ Thông qua Giao dịch với các bên có liên quan của Công ty năm 2023 (Theo Ván đề 9 nêu tại Tờ trình số: 01/TTr-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2023) với tỷ lệ tán thành cụ thể của từng bên giao dịch theo bảng trên.
- ✓ Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (Theo Ván đề 10 nêu tại Tờ trình số: 01/TTr-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2023) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
- ✓ Thông qua việc đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) khi cổ phiếu của Công ty đủ Điều Kiện Niêm Yết (Theo Ván đề 11 nêu tại Tờ trình số: 01/TTr-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2023) với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

VI. ĐẠI HỘI TIẾN HÀNH BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2020 – 2025.

Ông Vũ Đức Tùng báo cáo Đại hội Danh sách ứng viên hợp lệ để bầu cử như sau:

- Danh sách ứng viên để bầu bổ sung Thành viên HĐQT gồm có 01 ứng viên là ông Lê Bá Thọ (Thông tin ứng viên đã được công bố trên website của Công ty).
- Danh sách ứng viên để bầu bổ sung Thành viên BKS gồm có 02 ứng viên là ông Đào Việt Đỉnh và bà Bùi Thị Trang (Thông tin ứng viên đã được công bố trên website của Công ty).

Tính đến thời điểm: 10 giờ 37 phút, số lượng đại biểu dự họp là: 15 đại biểu, đại diện cho: 292.294.400 phiếu biểu quyết, chiếm: 97,4315% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Việc bầu cử được thực hiện hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 phù hợp với Điều lệ Công ty, Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020 -2025. Theo đó, có 15 Đại biểu dự họp đại diện cho 292.294.400 Phiếu biểu quyết. Tổng số lượng phiếu bầu thành viên HĐQT/BKS bằng tổng số lượng phiếu biểu quyết của Đại biểu dự họp nhân với số thành viên HĐQT/BKS được bầu.

***Phương thức bầu:** bỏ phiếu điện tử.

***Kết quả bầu cử:**

- **Kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT như sau:**

STT	Họ và tên ứng viên	Tổng số phiếu bầu hợp lệ cho từng ứng viên
1	Lê Bá Thọ	292.283.800

Kết luận: Vậy với kết quả như trên, ứng viên trúng cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện lực GELEX nhiệm kỳ 2020 – 2025 là ông Lê Bá Thọ

- Kết quả bầu cử bổ sung thành viên BKS như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Tổng số phiếu bầu hợp lệ cho từng ứng viên
1	Đào Viết Đỉnh	292.332.600
2	Bùi Thị Trang	292.235.000

Kết luận: Vậy với kết quả như trên, ứng viên trúng cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Điện lực GELEX nhiệm kỳ 2020 – 2025 là ông Đào Viết Đỉnh và bà Bùi Thị Trang.

Như vậy, sau khi hoàn thành bầu cử bổ sung nêu trên thì:

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 của Công ty Cổ phần Điện lực Gelex bao gồm các ông sau đây:

1. Ông Nguyễn Văn Tuấn;
2. Ông Đặng Phan Tường;
3. Ông Đỗ Duy Hưng;
4. Ông Nguyễn Trọng Trung;
5. Ông Lê Bá Thọ.

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025 của Công ty Cổ phần Điện lực Gelex bao gồm các ông, bà sau:

1. Ông Nguyễn Hoàng Việt;
2. Ông Đào Viết Đỉnh;
3. Bà Bùi Thị Trang;

VII. THÔNG QUA DỰ THẢO BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

1. Bà Đình Thị Tình – thay mặt Đoàn Thư ký Đại hội trình bày trước Đại hội nội dung dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Điện lực GELEX.
2. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX với kết quả như sau:

Tính đến thời điểm: 11 giờ 07 phút, số lượng đại biểu dự họp là: 15 đại biểu, đại diện cho: 292.294.400 phiếu biểu quyết, chiếm: 97,4315% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

* **Phương thức biểu quyết:** bỏ phiếu điện tử.

* **Kết quả kiểm phiếu biểu quyết cho từng nội dung như sau:**

STT	Nội dung thông qua	Tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại Đại hội	Số phiếu và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các Đại biểu dự họp và biểu quyết tại Đại hội				
			Hợp lệ	Không hợp lệ	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	292.283.800	292.283.800	0	292.283.800	0	0
			100%	0%	100%	0%	0%
2	Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	292.283.800	292.283.800	0	292.283.800	0	0
			100%	0%	100%	0%	0%

Kết luận: Như vậy, với tỷ lệ biểu quyết tán thành tương ứng cho từng vấn đề như nêu trên, Đại hội đã thống nhất thông qua như sau:

- Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
- Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của đại biểu dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

3. Ông Nguyễn Văn Tuấn – Chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc Đại hội.
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Điện lực GELEX bế mạc vào hồi 11h15phút cùng ngày.

TM. ĐOÀN THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Đinh Thị Tinh

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Nguyễn Văn Tuấn



PHỤ LỤC DANH SÁCH ĐẠI BIỂU DỰ HỢP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

(Kèm theo Biên bản họp DHDCTD thường niên năm 2023 ngày 19/04/2023)

STT	Mã đại biểu	Số lượng cổ phần sở hữu	Số lượng Cổ phần nhận ủy quyền	Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Hình thức tham dự
1	GEE.000421	2.200	0	2.200	Thực tuyến
2	GEE.000583	1.100	0	1.100	Thực tuyến
3	GEE.000681	16.500.000	0	16.500.000	Thực tuyến
4	GEE.000561	2.200	0	2.200	Thực tuyến
5	GEE.000693	0	7.500.000	7.500.000	Thực tuyến
6	GEE.000336	300.000	84.004.500	84.304.500	Thực tuyến
7	GEE.000392	52.000	0	52.000	Thực tuyến
8	GEE.000692	0	85.491.500	85.491.500	Thực tuyến
9	GEE.000691	0	84.353.600	84.353.600	Thực tuyến
10	GEE.000439	800	0	800	Thực tuyến
11	GEE.000686	14.000.000	0	14.000.000	Thực tuyến
12	GEE.000227	48.800	0	48.800	Thực tuyến
13	GEE.000110	10.600	0	10.600	Thực tuyến
14	GEE.000091	23.500	0	23.500	Thực tuyến
15	GEE.000344	3.600	0	3.600	Thực tuyến

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty cổ phần Điện lực Gelex.

Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Điện lực GELEX ("Công ty") tổ chức ngày 19/04/2023 đã thông qua Nghị quyết này với các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Danh sách Ban Kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban kiểm soát ("BKS") nhiệm kỳ 2020- 2025.

Điều 2. Phê chuẩn và thông qua toàn văn nội dung các báo cáo:

- Báo cáo của Tổng giám đốc (*Báo cáo đính kèm*).
- Báo cáo của Hội đồng quản trị (*Báo cáo đính kèm*).
- Báo cáo của Ban Kiểm soát (*Báo cáo đính kèm*).

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 (bao gồm Báo cáo Tài chính riêng năm 2022 và Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán).

Điều 4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VND)	%Vốn điều lệ
I	Lợi nhuận sau thuế có thể phân phối	724.147.407.961	24,14%
1.1	Lợi nhuận sau thuế còn lại các năm trước	112.512.210.756	
1.2	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán	912.546.851.205	
1.3	Lợi nhuận sau thuế từ cổ tức năm 2020 và 2021 chuyển về trong năm 2022 đã dùng để phân phối lợi nhuận năm 2021	(300.911.654.000)	
II	Phân phối lợi nhuận năm 2022	600.000.000.000	20,00%
	Trả cổ tức bằng tiền	600.000.000.000	20,00%

2.1	Đã tạm ứng (*)	450.000.000.000	15,00%
2.2	Còn lại chi trả	150.000.000.000	5,00%
III	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối giữ lại trên Báo cáo tài chính riêng	124.147.407.961	

(*) Công ty tạm ứng cổ tức năm 2022 theo 02 đợt phù hợp với kế hoạch đã được phê duyệt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2022:

- Đợt 1 bằng tiền với tỷ lệ 10% mệnh giá/01 cổ phần (01 cổ phần được nhận 1.000 đồng) theo Nghị quyết số 48/2022/GE/NQ – HĐQT ngày 24/11/2022 của HĐQT.
- Đợt 2 bằng tiền với tỷ lệ 5% mệnh giá/01 cổ phần (01 cổ phần được nhận 500 đồng) theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐQT ngày 16/03/2023 của HĐQT.

Điều 5. Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2023 như sau

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023
1	Doanh thu hợp nhất	Triệu đồng	19.421.598
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Triệu đồng	928.482
3	Lợi nhuận sau thuế (LNST) hợp nhất	Triệu đồng	777.530
4	Cổ tức (chia từ nguồn Lợi nhuận sau thuế 2023 và nguồn kết dư) (*)	%Vốn điều lệ	20%

(*) Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT được quyết định mọi nội dung/vấn đề liên quan đến việc chi tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền nếu xét thấy việc tạm ứng này phù hợp với hoạt động của Công ty. Việc tạm ứng có thể được thực hiện thành một lần hoặc nhiều lần tùy theo quyết định của HĐQT.

Điều 6. Thông qua mức thu nhập, thù lao năm 2022 và kế hoạch thu nhập, thù lao năm 2023 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty với một số nội dung chính như sau:

Tổng mức thù lao, lương, và các khoản thu nhập khác của HĐQT, thù lao BKS Công ty và mức chi tiết chi trả cho từng thành viên HĐQT năm 2022 được thể hiện tại thuyết minh số 30 – Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan tại Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2022 của Công ty.

Mức thu nhập, thù lao kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty như sau:

- Tổng mức thù lao, lương và các khoản thu nhập khác của HĐQT: 4.000.000.000 đồng
- Thù lao của Ban kiểm soát: 240.000.000 đồng.

Điều 7. Thông qua lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2023 như sau:

Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2023 là một trong ba công ty kiểm toán hoạt động tại Việt Nam, bao gồm:

1. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 28 tòa nhà Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Công ty TNHH KPMG

Địa chỉ: Tầng 10 tòa nhà Sunwah, số 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điều 8. Thông qua việc chọn Công ty kiểm toán độc lập phục vụ kiểm toán các hoạt động khác của Công ty khi phát sinh theo yêu cầu công việc.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thuộc danh sách các Tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Điều 9. Thông qua giao dịch với Người có liên quan của Công ty năm 2023 như sau:

Thông qua việc ký và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và Người có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty và Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 (ngoại trừ các hợp đồng bị cấm thực hiện theo quy định tại Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019 và quy định pháp luật khác nếu có), với các nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch:

9.1 Người có liên quan ký hợp đồng, giao dịch với Công ty:

Danh sách chi tiết tại Phụ lục số 01 đính kèm theo Nghị quyết này. Những đối tượng này gọi chung là (“Người Có Liên Quan”).

9.2 Đối tượng của hợp đồng, giao dịch:

- Giao dịch vay/cho vay và giao dịch khác có tính chất tương tự;
- Giao dịch bán vật tư, nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm.

9.3 Giá trị, hạn mức của hợp đồng, giao dịch nêu trên:

9.3.1 Hợp đồng, giao dịch Công ty vay, cho vay với Người Có Liên Quan như nêu tại Phụ lục số 01 có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty nhưng tổng giá trị các hợp đồng, giao dịch phát sinh cộng dồn từ ngày được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua đến trước ngày họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 không vượt quá các hạn mức như sau:

- 50% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đối với các hợp đồng, giao dịch vay vốn.
- 50% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đối với các hợp đồng, giao dịch cho vay.

9.3.2 Hợp đồng, giao dịch Công ty Bán vật tư, nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm từ Người Có Liên Quan như nêu tại Phụ lục số 01: có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giá trị giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần

nhất của Công ty nhưng tổng giá trị các hợp đồng, giao dịch phát sinh cộng dồn từ ngày được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua đến trước ngày họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 không vượt quá các hạn mức như sau:

- 60% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đối với các hợp đồng, giao dịch Bán vật tư, nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm.

9.4 Hiệu lực áp dụng:

Áp dụng cho các hợp đồng, giao dịch phát sinh trong giai đoạn từ ngày họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đến trước ngày họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

9.5 ĐHĐCĐ giao cho Tổng Giám đốc quyết định các nội dung chi tiết của mỗi giao dịch, hợp đồng, ký kết, thực hiện hợp đồng, giao dịch cụ thể nêu trên, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty và Tổng Giám đốc được quyền giao/ủy quyền lại cho cấp dưới thực hiện một phần các công việc nêu tại mục này. Tổng Giám đốc báo cáo tổng giá trị giao dịch đã thực hiện trong năm 2023 cho HĐQT để HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Điều 10. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty với các nội dung cụ thể như trong Phụ lục số 02 - Danh mục các nội dung sửa đổi, bổ sung chính của Điều lệ Công ty và bản dự thảo toàn văn Điều lệ Công ty sửa đổi đính kèm Nghị quyết này.

Bản Điều lệ Công ty sửa đổi có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua.

Điều 11. Chấp thuận đơn từ nhiệm của Ông Nguyễn Trọng Tiểu về việc thôi tham gia Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 kể từ ngày 19/04/2023.

Điều 12. Thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025 trên cơ sở danh sách ứng viên được đề cử hợp lệ để đảm bảo số lượng thành viên HĐQT theo quy định và Kết quả bầu bổ sung (01) thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025 là:

- Ông Lê Bá Thọ

Điều 13. Chấp thuận đơn từ nhiệm của bà Nguyễn Thị Huyền và bà Tiêu Thị Dung về việc thôi tham gia Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 kể từ ngày 19/04/2023.

Điều 14. Thông qua việc bầu bổ sung 02 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 -2025 trên cơ sở danh sách ứng viên được đề cử hợp lệ để đảm bảo số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định và Kết quả bầu bổ sung (02) thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 là:

- Ông Đào Viết Đình

- Bà Bùi Thị Trang

Điều 15: Thông qua việc đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (“HOSE”) khi cổ phiếu của Công ty đủ Điều Kiện Niêm Yết.

(Điều Kiện Niêm Yết ở đây được hiểu là điều kiện Cổ phiếu của Công ty đã giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM tối thiểu 02 năm và đáp ứng các điều kiện khác theo quy định của Khoản 1, Điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

1. Thông qua việc hủy giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM thuộc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (“HNX”) và đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (“HOSE”) cho toàn bộ số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX sau khi cổ phiếu của Công ty đủ Điều Kiện Niêm Yết

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện lực GELEX;
- Mã chứng khoán: GEE;
- Mệnh giá: 10.000 đồng;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký hủy giao dịch tại UPCOM: Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành và đăng ký giao dịch trên UPCOM;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết tại HOSE: Toàn bộ cổ phiếu đã phát hành của Công ty tại thời điểm niêm yết.


2. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định và tổ chức thực hiện tất cả các công việc, thủ tục liên quan để hoàn tất việc niêm yết toàn bộ cổ phiếu của Công ty tại HOSE sau khi cổ phiếu của Công ty đủ Điều Kiện Niêm Yết, bao gồm nhưng không giới hạn:

- a. Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu trên UPCOM toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành tại thời điểm đăng ký niêm yết;
- b. Tổ chức lập và phê duyệt hồ sơ đăng ký niêm yết toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành tại thời điểm đăng ký niêm yết tại HOSE;
- c. Quyết định lựa chọn đơn vị tư vấn niêm yết chứng khoán;
- d. Ký các văn bản, hồ sơ; đăng ký/xin chấp thuận tại cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các công việc khác có liên quan.

Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc Công ty để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.

Thời gian thực hiện: Sau khi cổ phiếu của Công ty đủ Điều Kiện Niêm Yết, Hội đồng quản trị Công ty chủ động lựa chọn thời điểm phù hợp với tình hình thị trường chứng khoán và điều kiện thực tế để hoàn tất các thủ tục nêu trên.

Điều 16. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận/cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận: 

- Như Điều 16;
- Các cổ đông;
- Lưu VP Công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



PHỤ LỤC SỐ 01

DANH SÁCH HỢP ĐỒNG/GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Đính kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 01/NQ- ĐHĐCĐ ngày 19/04/2023)

STT	Người có liên quan ký hợp đồng/giao dịch với GELEX ELECTRIC	Mối quan hệ liên quan tới GELEX ELECTRIC	Đối tượng hợp đồng/giao dịch phát sinh với Người có liên quan
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ	Giao dịch vay/cho vay và giao dịch khác có tính chất tương tự
2	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty con	Giao dịch vay/cho vay và giao dịch khác có tính chất tương tự; Bán vật tư, nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm
3	Công ty TNHH Một Thành Viên CADIVI Đồng Nai	Công ty con gián tiếp	Bán vật tư, nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm

PHỤ LỤC SỐ 02 - DANH MỤC CÁC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHÍNH TRONG ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY

(Kèm theo Nghị quyết số 01 /NQ-DHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2023)

Diễn giải:

- Nội dung gạch chân thể hiện các điểm sửa đổi, bổ sung của Điều lệ mới so với Điều lệ hiện hành.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lí do đề xuất sửa đổi, bổ sung
1.	Điều 2, Khoản 3	Fax: 024.36331510	<u>Fax: 024.36255297</u>	Cập nhật số fax mới của Công ty.
2.	Điều 28 Khoản 4	Điều 28. Quyền của cổ đông phổ thông 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định sau: a. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none">- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;	Điều 28. Quyền của cổ đông phổ thông 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định sau: a. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none">- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;	Sửa đổi đề đảm bảo quyền đề cử của cổ đông.

	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa số ứng viên bằng số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu. <p>b. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được, đề cử tối đa số ứng viên bằng số lượng thành viên Ban Kiểm soát cần bầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên hoặc tối đa số ứng viên bằng số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu. <p>b. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được, đề cử tối đa ba (03) ứng viên hoặc tối đa số ứng viên bằng số lượng thành viên Ban kiểm soát cần bầu. 	
3.	<p>Điều 44</p> <p>Khoản 2</p>	<p>Điều 44. Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p>	<p>Điều 44. Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p>
		<p>Sửa đổi cho phù hợp với nhu cầu quản trị nội bộ của Công ty</p>	

	<p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, các Giám đốc chuyên môn, Giám đốc hoặc Trưởng chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Công ty và quyết định mức lương và các quyền lợi khác của họ;</p> <p>g. Quyết định cử/thời/chấm dứt tư cách người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác, Quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người này;</p>	<p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty, <u>các chỉ tiêu kế hoạch đầu tư hàng năm của Công ty (bao gồm đầu tư dự án, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định, thuê tài chính);</u></p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán, Giám đốc tài chính/Người phụ trách tài chính, các Giám đốc <u>Khởi/Ban/Giám đốc Giám đốc chuyên môn (hoặc chức danh/vị trí tương đương, ví dụ như Trưởng Ban/Trưởng Phòng trong trường hợp không có Giám đốc Khởi/Ban), Giám đốc hoặc Trưởng chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Công ty và quyết định mức lương và các quyền lợi khác của họ;</u></p> <p>g. Quyết định cử/thời/chấm dứt tư cách người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác, <u>điều chỉnh mức tỷ lệ và/hoặc số lương cổ phần/phần vốn góp được đại diện của những người đại diện vốn đã được cử tại các doanh nghiệp khác.</u> Quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người này;</p> <p>u. <u>Các nội dung/vấn đề khác mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông).</u> <u>Kể cả là những vấn đề đã phân quyền cho Tổng Giám đốc quyết định theo quy định tại Điều lệ này.</u> <u>Nội dung này được thể hiện</u></p>
--	---	--

			<u>cu thể trong các quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành theo nhu cầu quản trị từng thời kỳ;</u>	
4.	Điều 49	Điều 49. Biên bản họp Hội đồng quản trị <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</u>	Điều 49. Biên bản họp Hội đồng quản trị Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	Sửa lại cho phù hợp với quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp và thực tế quản trị
5.	Điều 54	Điều 54. Tổ chức bộ máy quản lý <u>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.</u>	Điều 54. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan. Công ty có <u>Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các Giám đốc chuyên môn và các chức danh quản lý khác do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm theo nhu cầu quản trị Công ty từng thời kỳ.</u>	Sửa đổi cho phù hợp với tổ chức bộ máy thực tế của Công ty hiện tại.
6.	Điều 75	Không quy định	Điều 75. Phân phối lợi nhuận 1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. 2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc tạm ứng này	Bổ sung phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

		<p>phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty và theo quy định tại Khoản 4 Điều 135 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện phù hợp với quy định pháp luật, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ</p>	
--	--	--	--

		<p>thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.</p> <p>7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
7.	<p>Điều 76</p> <p>Điều 76. Mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con</p> <p>1. Công ty mẹ và công ty con có Điều lệ tổ chức và hoạt động riêng, được phê duyệt theo trình tự và thủ tục của pháp luật có liên quan, hoạt động kinh doanh độc lập, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và có đồng/chủ sở hữu của mình;</p> <p>2. Công ty mẹ sẽ hỗ trợ cho công ty con bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của công ty con. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại, đầu tư giữa công ty mẹ và công ty con được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>3. Công ty mẹ giao quyền cho người đại diện vốn theo ủy quyền của công ty mẹ trực tiếp thay mặt công ty mẹ quản lý các khoản vốn góp của công ty mẹ tại công ty con trong phạm vi Điều lệ của công ty con và pháp luật cho phép.</p>	<p>Điều 76. Mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con</p> <p>1. Công ty mẹ và công ty con có Điều lệ tổ chức và hoạt động riêng, được phê duyệt theo trình tự và thủ tục của pháp luật có liên quan, hoạt động kinh doanh độc lập, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và có đồng/chủ sở hữu của mình;</p> <p>2. Công ty mẹ sẽ hỗ trợ cho công ty con bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của công ty con.</p> <p>3. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại, đầu tư giữa công ty mẹ và công ty con được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>4. Công ty mẹ <u>cử và</u> giao quyền cho người đại diện vốn theo ủy quyền của công ty mẹ quản lý cổ phần/phần vốn góp của công ty mẹ tại công ty con và quản lý việc sử dụng phần vốn của công ty mẹ tại công ty con theo quy định nói <u>bỏ</u> của công ty mẹ. <u>Những người đại diện vốn này có thể đồng thời giữ chức danh quản lý, điều hành tại công ty con</u></p>	<p>Sửa cho phù hợp nhu cầu quản trị điều hành</p>

	<p>4. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của công ty mẹ tại công ty con được xác định theo quy định của pháp luật và các quy chế, quy định do công ty mẹ ban hành từng thời kỳ. Người đại diện theo ủy quyền của công ty mẹ có trách nhiệm tuân thủ các quy chế, quy định và nêu này, Điều lệ công ty con và các quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Công ty mẹ sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với công ty con. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện theo ủy quyền của công ty mẹ thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại công ty con.</p> <p>6. Công ty mẹ thực hiện quyền của cổ đông tại công ty con thông qua người đại diện của mình là thành viên trong Hội đồng quản trị /Ban Tổng Giám đốc hoặc thông qua việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của công ty con.</p> <p>7. Công ty mẹ thực hiện việc cử đoàn kiểm tra, tham gia các đoàn kiểm tra việc quản lý, sử dụng phần vốn góp của công ty mẹ tại công ty con. Phạm vi kiểm tra bao gồm: kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn góp của công ty mẹ tại công ty con; kiểm tra việc thực hiện, triển khai các ý kiến chỉ đạo của công ty mẹ đối với các vấn đề mà người đại diện vốn đã báo cáo/xin ý kiến; kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, nghĩa vụ khác của người đại diện theo Điều lệ công ty mẹ, Điều lệ công ty con, các quy chế nội bộ của công ty mẹ về quản lý người đại diện vốn; kiểm tra các mặt hoạt động kinh doanh nếu thấy cần thiết hoặc theo phê duyệt/thỏa</p>
<p>theo các thủ tục đề cử, bầu, bổ nhiệm phù hợp với Điều lệ công ty con và quy định pháp luật.</p> <p>5. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của công ty mẹ tại công ty con được xác định theo quy định của pháp luật và các quy chế, quy định do công ty mẹ ban hành từng thời kỳ. Người đại diện theo ủy quyền của công ty mẹ có trách nhiệm tuân thủ các quy chế, quy định và nêu này, Điều lệ công ty con và các quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>6. Công ty mẹ thực hiện quyền hạn của mình tại công ty con thông qua người đại diện của mình là thành viên trong Hội đồng quản trị /Ban Tổng Giám đốc hoặc thông qua việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông của công ty con (bằng hình thức cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản).</p> <p>7. Công ty mẹ có quyền quản lý, kiểm tra, giám sát việc sử dụng phần vốn của công ty mẹ tại công ty con đồng thời có quyền hỗ trợ công ty con trên một, một số hoặc các mặt hoạt động quản trị, quản lý của công ty con với mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động và/hoặc thúc đẩy tăng trưởng sản xuất, kinh doanh và đầu tư của công ty con. Công ty con và/hoặc Người đại diện vốn theo ủy quyền của công ty mẹ cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết có liên quan của công ty con cho công ty mẹ (hoặc nhân sự do công ty mẹ chỉ định) nhằm phục vụ cho mục tiêu quản lý, kiểm tra, giám sát và hỗ trợ nói trên. Công ty mẹ và nhân sự do công ty mẹ chỉ định có trách nhiệm bảo mật các thông tin, tài liệu đã tiếp nhận ngoài trừ trường hợp thông tin, tài liệu được công bố ra công chúng hoặc các trường hợp</p>	

	<p>thuận giữa công ty mẹ với công ty con, trên cơ sở phù hợp với pháp luật hiện hành. Ngoài ra, công ty mẹ thực hiện quyền yêu cầu/đề nghị Ban kiểm soát tại công ty con kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty con với vai trò là cổ đông có cổ phần chi phối. Hoạt động kiểm tra được tiến hành định kỳ sau khi có báo cáo kiểm toán hoặc tiến hành đột xuất, bất thường khi cần thiết. Người đại diện vốn có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi nhất để công ty mẹ tiến hành, thực hiện các hoạt động kiểm tra theo quy định tại Khoản này.</p> <p>8. Công ty mẹ của Công ty được phép tiến hành hoạt động kiểm toán nội bộ cho các mặt hoạt động của Công ty nhằm hỗ trợ Công ty kịp thời phát hiện, khắc phục, phòng ngừa các rủi ro có thể phát sinh. Các biện pháp thực thi có thể bao gồm: cử đoàn công tác độc lập hoặc phối kết hợp với Ban kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để tiến hành các cuộc kiểm toán; tổ chức các buổi đào tạo nhằm cải thiện chất lượng kiểm toán nội bộ tại Công ty; các biện pháp khác phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Các cấp quản lý và điều hành tại Công ty tạo mọi điều kiện tốt nhất để phục vụ cho các cuộc kiểm toán như vừa nêu.</p> <p>9. Công ty mẹ và công ty con có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ của công ty mẹ và quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và quy định khác có liên quan của pháp luật.</p>	<p><u> cung cấp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, công ty kiểm toán, các bên tư vấn, các bên cấp vốn/thu xếp vốn, hoặc trường hợp khác theo quy định pháp luật.</u></p> <p>8. Công ty mẹ thực hiện việc cử đoàn kiểm tra, tham gia các đoàn kiểm tra việc quản lý, sử dụng phần vốn của công ty mẹ tại công ty con. Phạm vi kiểm tra bao gồm: kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn góp của công ty mẹ tại công ty con; kiểm tra việc thực hiện, triển khai các ý kiến chi đạo của công ty mẹ đối với các vấn đề mà người đại diện vốn đã báo cáo/xin ý kiến; kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, nghĩa vụ khác của người đại diện theo Điều lệ công ty mẹ, Điều lệ công ty con, các quy chế nội bộ của công ty mẹ về quản lý người đại diện vốn; kiểm tra các mặt hoạt động kinh doanh nếu thấy cần thiết hoặc theo phê duyệt/hoà thuận giữa công ty mẹ với công ty con, trên cơ sở phù hợp với pháp luật hiện hành. Ngoài ra, công ty mẹ thực hiện quyền yêu cầu/đề nghị Ban kiểm soát tại công ty con kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty con với vai trò là cổ đông có cổ phần chi phối. Hoạt động kiểm tra được tiến hành định kỳ hoặc tiến hành đột xuất, bất thường khi cần thiết. Người đại diện vốn có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi nhất để công ty mẹ tiến hành, thực hiện các hoạt động kiểm tra theo quy định tại Khoản này.</p> <p>9. Công ty mẹ của Công ty được phép tiến hành hoạt động kiểm toán nội bộ cho các mặt hoạt động</p>
--	--	--

			<p>của Công ty nhằm hỗ trợ Công ty kịp thời phát hiện, khắc phục, phòng ngừa các rủi ro có thể phát sinh. Các biện pháp thực thi có thể bao gồm: cử đoàn công tác độc lập hoặc phối kết hợp Ban kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty (nếu có) để tiến hành các cuộc kiểm toán; tổ chức các buổi đào tạo nhằm cải thiện chất lượng kiểm toán nội bộ tại Công ty; các biện pháp khác phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Các cấp quản lý và điều hành tại Công ty tạo mọi điều kiện tốt nhất để phục vụ cho các cuộc kiểm toán như vừa nêu.</p> <p>10. Công ty mẹ và công ty con có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ của công ty mẹ và quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và quy định khác có liên quan của pháp luật.</p> <p>11. Trong điều khoản này, công ty mẹ có nghĩa là công ty mẹ của Công ty và công ty con có nghĩa là Công ty.</p>	
8.	Các nội dung khác	- Được chỉnh sửa chi tiết như dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung và nhu cầu quản trị của Gelex Electric. (Các nội dung sửa đổi, bổ sung để néi chữ mực đỏ trên dự thảo Điều lệ)		

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**

Kính thưa: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Điện lực GELEX

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Gelex (“Công ty” hay “GELEX Electric”) kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty như sau:

PHẦN I: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH NĂM 2022

1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Chỉ tiêu hợp nhất	2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tăng trưởng so với 2021
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	18.714	19.110	16.665	-10,95%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	818	2.000	1.120	36,92%

Năm 2022, GELEX Electric ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất giảm 10,95% so với năm 2021, đạt 89% so với kế hoạch đã đề ra. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 1.120 tỷ đồng, tăng 36,92% so với năm 2021, đạt 55,8% kế hoạch.

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2022 của GELEX Electric giảm do sự sụt giảm nhu cầu thị trường: khách hàng điện lực truyền thống cắt giảm mua sắm, các dự án phát triển bất động sản đóng băng do biến động kinh tế vĩ mô,...và ảnh hưởng một phần từ việc di dời nhà máy của một số công ty thành viên như THIBIDI, CFT trong 6 tháng đầu năm 2022.

Lợi nhuận trước thuế năm 2022 tăng 300 tỷ đồng so với 2021 chủ yếu đến từ lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính dài hạn và nhận cổ tức từ các khoản đầu tư tài chính. Tuy nhiên, các yếu tố về tăng chi



phí lãi vay, phí và lỗ từ nghiệp vụ LME-hedging và lỗ chênh lệch tỉ giá đã phân nào ảnh hưởng việc đạt kế hoạch 2022.

Chi tiết kết quả sản xuất kinh doanh của nhóm ngành như bảng dưới đây:

Lĩnh vực	TH 2022		TH 2021	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
DOANH THU THUẦN	16.664.673	100%	18.714.206	100%
Nhóm sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	15.854.034	95,1%	18.329.199	97,9%
Nhóm sản xuất và kinh doanh năng lượng (điện)	783.667	4,7%	127.508	0,7%
Khác	26.971	0,2%	257.499	1,4%
LỢI NHUẬN GỘP	2.113.991	100%	1.830.122	100%
Nhóm sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	1.743.411	82,5%	1.720.874	94,0%
Nhóm sản xuất và kinh doanh năng lượng (điện)	352.384	16,7%	72.891	4,0%
Khác	18.196	0,9%	36.357	2,0%

- Nhóm sản xuất và kinh doanh thiết bị điện năm 2022 mặc dù có sự sụt giảm về Doanh thu tuy nhiên tỷ lệ lợi nhuận gộp/doanh thu đã có sự thay đổi tích cực tăng từ 9,4% (năm 2021) lên 11% (năm 2022) do Nhóm công ty kiểm soát tốt chi phí trong sản xuất và thường xuyên cải tiến công nghệ nhằm tối ưu vật tư tiêu hao.

- Nhóm sản xuất và kinh doanh năng lượng (điện) đạt giá trị sản lượng năm 2022 là 459.863.463 kwh, cùng với việc được hợp nhất kết quả kinh doanh cả năm so với 2021 (quý 4) đã nâng tỷ trọng cơ cấu doanh thu của nhóm ngành này từ 0,7% (năm 2021) lên 4,7% trong năm 2022.

2. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Đầu tư tài chính tại Công ty mẹ

Trong năm 2022, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết của Gelex Electric có sự thay đổi theo xu hướng gia tăng tỷ lệ đầu tư vào các công ty trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh cốt lõi và hạ tỷ trọng đầu tư tại Gelex Hạ tầng, cụ thể như sau:

- Hoàn tất thủ tục mua 4.800.000 cổ phiếu THI (“Công ty Cổ phần Thiết bị Điện”) để nâng tỷ lệ sở hữu lên 90,71% với số tiền 139,4 tỷ đồng.
- Trực tiếp sở hữu chi phối Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh thông qua việc mua lại 6.120.000 cổ phần của từ Công ty Cổ phần Thiết bị điện – công ty con của Công ty với số tiền 286,6 tỷ đồng.
- Góp vốn thành lập với tỷ lệ sở hữu 51% vốn điều lệ Công ty CP Mua bán điện GELEX tương đương giá trị vốn góp 5,1 tỷ đồng.
- Hoàn tất thoái một phần vốn tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty này từ 22,42% xuống 14,06%.

2.2. Đầu tư xây dựng tại Công ty thành viên

Đối với nhóm ngành sản xuất thiết bị điện, ngoài việc tiếp tục duy trì đầu tư nâng cấp, cải tiến thiết bị và dây chuyền sản xuất trong năm 2022, Công ty Cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI) và Công ty dây đồng Việt Nam CFT đã hoàn thành đầu tư xây dựng nhà máy mới để thực hiện dự án di dời nhà máy cũ từ Khu công nghiệp Biên Hòa 1 về Khu công nghiệp Long Đức thuộc tỉnh Đồng Nai.

Đối với nhóm ngành sản xuất và kinh doanh năng lượng (điện), Công ty cổ phần Mua bán điện Gelex bước đầu hoàn thành việc triển khai đầu tư xây dựng giai đoạn 1 của Dự án Đầu tư Xây dựng hạ tầng lưới điện, cung cấp, khai thác, sử dụng và quản lý vận hành hệ thống điện trung thế trong KCN Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Các Dự án còn lại tại các KCN Yên Mỹ (tỉnh Hưng Yên), KCN Thuận Thành I (tỉnh Bắc Ninh), KCN Hải Yên (tỉnh Quảng Ninh), KCN Phong Điền (tỉnh Thừa Thiên Huế)... đang được Công ty đẩy nhanh việc hoàn thiện thủ tục đầu tư và sẽ được triển khai đầu tư xây dựng trong năm 2023

3. CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG KHÁC

3.1. Cải tiến về cơ cấu tổ chức

Với mô hình công ty holdings – giữ vai trò kiểm soát các hoạt động của các công ty thành viên. Gelex Electric tiếp tục thực hiện theo cơ cấu tổ chức quản lý đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua, đồng thời duy trì hoạt động của 04 Ban chuyên môn: Ban Tổng hợp, Ban Tài chính kế toán, Ban kinh doanh, Ban Kế hoạch kỹ thuật giúp việc Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và hỗ trợ trực tiếp công ty thành viên trong các lĩnh vực chính:

- Pháp chế: trong công tác tuân thủ quy định của pháp luật, quy định nội bộ của công ty và toàn hệ thống Gelex;
- Tài chính - kế toán: trong công tác rà soát, hỗ trợ hoạt động tài chính của công ty thành viên.

3.2. Về chính sách và quản lý.

Trong năm 2022, Công ty đã đẩy mạnh triển khai, hoàn thiện quy trình, quy chế của Công ty và hỗ trợ rà soát, hoàn thiện các quy trình, quy chế cho các công ty thành viên.

PHẦN II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

I. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Năm 2023, GELEX Electric xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất với một số chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2022	KH 2023	% KH 2023 / TH 2022
Doanh thu thuần hợp nhất	Triệu đồng	16.664.672	19.421.598	16,5%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Triệu đồng	1.120.354	928.482	-17.1%

II. CÁC HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM TRONG TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

1. Về công tác kinh doanh

- Tiếp tục giữ vững các thị trường truyền thống trong ngành sản xuất thiết bị điện bao gồm dây cáp điện, máy biến áp truyền tải và phân phối, động cơ điện, thiết bị đo điện...
- Đẩy mạnh việc mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu. Một số thị trường xuất khẩu tiềm năng mở rộng: Máy biến áp THIBIDI tại thị trường Lào, Phillipines, Myanmar...; Máy biến áp 110kV – 220kV tại thị trường Lào, Campuchia; Các sản phẩm CADIVI tại thị trường Úc, Mỹ, Phillipines; Thiết bị đo điện EMIC tại các quốc gia khu vực Đông Nam Á ...
- Thực hiện các công tác bán chéo sản phẩm, tận dụng thế mạnh đa dạng ngành nghề của hệ thống như kinh doanh mua bán điện tại các khu công nghiệp...
- Nâng cao chất lượng trong công tác bán hàng từ tối ưu hóa dịch vụ vận chuyển tới người tiêu dùng về thời gian và chi phí, dịch vụ sau bán, bảo hành...

2. Về công tác phát triển sản phẩm

- Thực hiện hoàn thiện các sản phẩm theo hướng nâng cao năng lực sản xuất: EMIC triển khai sản xuất quy mô công nghiệp đối với công tơ nước, công tơ AMI; HEM hoàn thành và thử nghiệm 3 dòng sản phẩm động cơ IE3, động cơ phòng nổ ExdII, động cơ bơm chìm; MEE cải tiến thiết kế phân tán nhiệt,

phần ruột máy biến áp cho 2 gam máy 63MVA và 40MVA; THIBIDI áp dụng công nghệ quấn dây, gia công lõi Tole cuốn, cải tiến dòng sản phẩm máy biến áp Silic và Amorphous.....

- Tiếp tục hoàn thành phát triển sản phẩm mới bao gồm: tủ điện; máy biến áp khô tại THIBIDI...
- Tìm kiếm cơ hội chuyển giao công nghệ từ các đối tác hàng đầu trong ngành trên thế giới hướng tới cung cấp đủ bộ sản phẩm trong chuỗi giá trị ngành điện.

3. Về công tác quản trị

- Khai thác vận hành đảm bảo an toàn tin cậy và nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả phát điện của các dự án điện gió, điện mặt trời hiện có tại các Công ty Phát điện Gelex, Gelex 1,2,3 Quảng Trị. Trong đó kết hợp giữa giải pháp tối ưu hóa công tác bảo dưỡng thiết bị với bổ sung các thiết bị công nghệ giám sát, dự báo chính xác các tình huống vận hành nhằm nâng cao sản lượng phát điện.
- Tăng cường hoạt động giám sát của tập đoàn trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tại các công ty thành viên, kịp thời nhận diện và hỗ trợ giải pháp mục tiêu đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.
- Hướng tới xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin và các phần mềm, ứng dụng để đưa ra các thông tin quản trị tức thời.

4. Về công tác tài chính

- Nâng tỷ lệ sở hữu của THIBIDI tại Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh nhằm tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh sản phẩm máy biến áp
- Thực hiện các hoạt động chuyển nhượng vốn góp/ thoái vốn tại các dự án nhằm nâng cao chỉ số tài chính, đảm bảo tài chính lành mạnh cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê chuẩn và thông qua toàn văn báo cáo.

Nơi nhận:

- Cổ đông GELEX Electric
- UV HĐQT GELEX Electric;
- Lưu VT.

 **TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Trọng Trung

Số: 01 /GE/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP ĐIỆN LỰC GELEX
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Điện lực GELEX

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty cổ phần Điện lực GELEX (“Công ty/GELEX Electric”) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) Công ty kết quả hoạt động năm 2022 và các định hướng, kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

I. Đánh giá ngắn về tình hình hoạt động của GELEX Electric trong năm 2022

Năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Ngành thiết bị điện nói chung và các doanh nghiệp trong hệ thống GELEX Electric phải chịu áp lực sự biến động thất thường của giá nguyên vật liệu chính, tỷ giá và lãi suất tăng cao và sự sụt giảm mạnh về nhu cầu thị trường các tháng cuối năm.

Do vậy, năm 2022, Công ty định hướng tập trung trọng tâm vào sản xuất kinh doanh, tăng cường công tác quản trị rủi ro, tinh gọn bộ máy, tiết giảm chi phí và tối ưu hóa nguồn lực tại các Công ty thành viên. Kết quả, năm 2022, Công ty đạt 16.664 tỷ đồng doanh thu thuần hợp nhất, giảm 10,95% so với 2021, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.120 tỷ đồng, tăng trưởng 36,92% so với 2021, hoàn thành lần lượt 87,2% và 55,95% so với kế hoạch Đại hội phê duyệt. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ lần lượt đạt 2.587 tỷ đồng, giảm 8,84% và 913 tỷ đồng tăng 142% so với 2021.

II. Hoạt động của HĐQT năm 2022

1. Tổng kết hoạt động của HĐQT và thành viên HĐQT.

HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 với 5 thành viên, trong đó, từng thành viên HĐQT được giao các nhiệm vụ cụ thể trong từng lĩnh vực. HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên bám sát nhiệm vụ cụ thể, thường xuyên trao đổi và hỗ trợ TGD & Ban điều hành, Người đại diện vốn trong lĩnh vực được giao phụ trách.

Năm 2022, HĐQT đã tổ chức thành công kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2022 và xin ý kiến ĐHĐCĐ bất thường bằng văn bản thông qua nhiều nội dung chiến lược quan trọng, đồng thời, chỉ đạo, giám

sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty, cho ý kiến với Người đại diện tại các công ty thành viên ("CTTV") trong điều hành SXKD tại đơn vị. Kết quả cụ thể các mảng hoạt động như sau:

1. Định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD):

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, HĐQT Công ty đã chủ động định hướng hoạt động của Ban điều hành và Người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty thành viên, với những biện pháp cụ thể như:

- Rà soát, ban hành quy chế Người đại diện Công ty tại các Công ty thành viên, xác định cụ thể các nội dung Người đại diện báo cáo/cần xin ý kiến Công ty mẹ trước khi quyết định tại CTTV, việc xin ý kiến chủ yếu tập trung vào các định hướng chiến lược SXKD, các nội dung liên quan về vốn, nhân sự quản lý cấp cao tại CTTV.
- Phân công các thành viên HĐQT chuyên trách phụ trách các CTTV nhằm mục tiêu kịp thời hỗ trợ người đại diện vốn tại các CTTV trong các quyết định SXKD.
- Tình hình vĩ mô năm 2022 có nhiều biến động, HĐQT Công ty đã chủ trương chỉ đạo người đại diện vốn kiểm soát tối ưu chi phí, giảm phải thu, giảm tồn kho, tập trung vào kinh doanh nhằm giữ vững thị phần, thị trường của doanh nghiệp.

2. Công tác đầu tư/tái cấu trúc sở hữu vốn

Năm 2022, Công ty tiếp tục thực hiện định hướng tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty thành viên thuộc lĩnh vực SXKD truyền thống, đồng thời, phát triển hoạt động kinh doanh mua bán điện trong các khu công nghiệp của hệ thống Tập đoàn GELEX, HĐQT đã triển khai các công việc cụ thể như sau:

- Nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tương ứng với 51% vốn điều lệ Công ty CP Sản xuất thiết bị điện Đông Anh do Công ty CP Thiết bị điện sở hữu.
- Góp vốn thành lập với tỷ lệ sở hữu 51% vốn điều lệ Công ty CP Mua bán điện GELEX, cho ý kiến về việc thành lập Công ty CP Mua bán điện GELEX Hưng Yên.
- Quyết định đầu tư dự án công trình văn phòng làm việc trụ sở Công ty, đầu tư dự án SAP ERP tại Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT.
- Quyết định thực hiện chào mua công khai nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam và Công ty CP Thiết bị điện.
- Theo tình hình thị trường năm 2022, HĐQT Công ty đã quyết định thoái phần vốn tương đương 8,353% Vốn điều lệ Công ty cổ phần hạ tầng GELEX do Công ty sở hữu.

Năm 2022, ĐHĐCĐ thường niên Công ty đã thông qua việc chào bán cổ phiếu ra công chúng và đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty trên hệ thống giao dịch chứng khoán. Tuy nhiên, do tình hình thị trường không thuận lợi cho việc triển khai chào bán, ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và quyền lợi của cổ đông. Do vậy, Công ty đã không thực hiện được phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng và đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty trên hệ thống giao dịch chứng khoán trong năm 2022. HĐQT cũng nhất trí dừng triển khai các công việc chuẩn bị hồ sơ để chào bán cổ phiếu ra công chúng theo phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2022 thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2022. Việc chào bán cổ phiếu ra công chúng sẽ được HĐQT

xem xét, trình ĐHĐCĐ quyết định vào thời điểm phù hợp, đảm bảo lợi ích của Công ty cũng như quyền lợi của cổ đông, tuân thủ quy định của pháp luật.

3. Công tác tài chính

Trước tình hình biến động tăng mạnh của lãi suất, tỷ giá, yếu tố thanh khoản trên thị trường tài chính năm 2022, HĐQT Công ty định hướng công ty thành viên đảm bảo thanh khoản, giảm vay nợ nhằm tiết kiệm chi phí tài chính, thực hiện bảo hiểm giá nguyên vật liệu chính và tỷ giá, ..., đồng thời, phê duyệt phát hành các cam kết bảo lãnh của Công ty cho CTTV trong hoạt động huy động vốn phục vụ SXKD.

- Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, trên cơ sở Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty thường niên 2022, HĐQT đã quyết định thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 và tạm ứng cổ tức năm 2022 trong năm 2022 với tổng số tiền 780 tỷ đồng, cụ thể như sau:

Thời gian thanh toán	Tỷ lệ	Nội dung
20/05/2022	10%VĐL	Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2021 trong năm 2022
28/06/2022	6%VĐL	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 trong năm 2022
28/12/2022	10%VĐL	Tạm ứng cổ tức năm 2022 đợt 1 bằng tiền

- Phê duyệt lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2022 trên cơ sở danh sách đơn vị kiểm toán độc lập đã được ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2022 thông qua.

4. Phê duyệt giao dịch với bên có liên quan

Năm 2022, HĐQT đã phê chuẩn việc ký kết và thực hiện các hợp đồng mua bán vật tư, hợp đồng vay/cho vay, giao dịch đảm bảo với các bên liên quan của Công ty, chủ yếu các công ty thành viên trong Tập đoàn GELEX, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Công ty. Các điều khoản hợp đồng trên cơ sở công bằng, cạnh tranh và nghị quyết thông qua tuân thủ nguyên tắc minh bạch. Chi tiết các giao dịch được trình bày tại Báo cáo tài chính Công ty năm 2022 đã được kiểm toán, Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2022.

5. Tổ chức bộ máy, nhân sự

HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 -2025 cũng đã có sự thay đổi về nhân sự, cụ thể, ĐHĐCĐ thường niên Công ty đã chấp thuận việc từ nhiệm vị trí thành viên HĐQT Công ty của ông Lê Quang Định, bầu bổ sung ông Nguyễn Trọng Trung vào HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025.

Tại Công ty, HĐQT chỉ đạo tiếp tục rà soát, điều chỉnh, ban hành các văn bản quản trị Công ty như Hệ thống phân quyền của HĐQT, quy chế Người đại diện, quy chế chi tiêu nội bộ, ...

Đối với các Công ty thành viên, HĐQT rà soát, ban hành quyết định chấm dứt, cử, và thay thế đại diện phần vốn của Công ty tham gia HĐQT, HĐQT, Chủ tịch Công ty và các vị trí quản lý/điều hành khác tại CTTV.

Năm 2022, Công ty đã được ĐHĐCĐ bất thường thông qua việc đổi tên thành Công ty Cổ phần Điện lực GELEX nhằm phù hợp với định hướng phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty là

đầu tư, phát triển các mảng ngành nghề thuộc lĩnh vực điện lực phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Tổng kết các cuộc họp và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT

HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền, các cuộc họp chuyên đề về sản xuất kinh doanh với Ban điều hành Công ty, người đại diện vốn tại các CTTV để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, theo sát các diễn biến thị trường, kinh tế - chính trị - xã hội, từ đó các quyết sách kịp thời, linh hoạt, chỉ đạo Ban điều hành/người đại diện vốn trong điều hành hoạt động SXKD Công ty và các CTTV.

HĐQT cũng thực hiện các lần ý kiến bằng văn bản nhằm thông qua kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty, và các quy định của pháp luật có liên quan.

Trong năm 2022, HĐQT đã tiến hành 17 phiên họp, 31 lần lấy ý kiến bằng văn bản, theo đó, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều được thông qua với sự nhất trí 100% của các thành viên dự họp, được ban hành hợp lệ, đúng thẩm quyền được qui định tại Điều lệ và các quy chế/quy định nội bộ của Công ty, đảm bảo công khai, minh bạch trong quản trị và điều hành.

Trong năm 2022, các khoản thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT như được nêu trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 đã được trình Đại hội.

7. Giám sát và đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty

7.1. Công tác giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty

Với vai trò là cơ quan đại diện cao nhất của Công ty, trong năm 2022, HĐQT Công ty luôn chủ động hỗ trợ và chỉ đạo sâu sát Tổng giám đốc và Ban điều hành triển khai nhiệm vụ, đồng thời với hoạt động kiểm tra, giám sát theo qui định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Giám sát Tổng giám đốc và Ban điều hành thông qua các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT đã ban hành; trao đổi thẳng thắn với Tổng giám đốc và Ban điều hành về các việc đã đạt được và chưa được theo mục tiêu, kế hoạch kinh doanh.
- Phối hợp với Ban kiểm soát Công ty kiểm tra nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát tham gia họp các cuộc họp HĐQT, cùng trao đổi các vấn đề của Công ty.
- Yêu cầu Người đại diện phần vốn của Công ty tại các CTTV báo cáo thường xuyên kết quả sản xuất kinh doanh, những khó khăn, tồn tại và các giải pháp, đề xuất để đưa ra chỉ đạo/định hướng kịp thời.
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin đảm bảo tính minh bạch trong quản trị và tuân thủ quy định pháp luật. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2022.

7.2. Đánh giá hoạt động của TGD và Ban điều hành Công ty.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong mọi hoạt động của Công ty. Định kỳ hàng tháng cùng họp trao đổi và kiểm điểm các công việc đã thực hiện và sẽ triển khai trong thời gian tiếp theo.

Kết quả đánh giá năm 2022, trong công tác điều hành hoạt động SXKD, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã nỗ lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, bám sát các mục tiêu chiến lược, nghị quyết của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông đề ra; Đã phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ của các thành viên Ban Tổng giám đốc, nâng cao trách nhiệm cá nhân đối với lĩnh vực được phân công, chấp hành các quy định pháp luật và quy chế hoạt động của Công ty.

III. Định hướng phát triển và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2023.

1. Định hướng phát triển các lĩnh vực kinh doanh.

Để phát triển bền vững, HĐQT Công ty xác định định hướng phát triển chung như sau:

- Duy trì và đầu tư phát triển các thương hiệu thiết bị điện uy tín, đã có bề dày lịch sử: CADIVI, THIBIDI, EMIC, HEM, MEE, ...
- Sản xuất các sản phẩm truyền thống kết hợp với tăng cường nghiên cứu & phát triển/ hợp tác nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới với hàm lượng công nghệ cao.
- Định hướng tăng tỷ lệ sở hữu lên đến 100% tại CADIVI, THIBIDI theo các phương thức thực hiện phù hợp quy định của pháp luật.
- Tái cấu trúc sở hữu vốn tại các đơn vị mảng phát điện, tạo nguồn lực tài chính tiếp tục đầu tư vào các đơn vị /doanh nghiệp thuộc lĩnh vực SXKD truyền thống của Công ty.
- Tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh mua bán điện trong các khu công nghiệp của hệ thống Tập đoàn GELEX.

2. Chiến lược hoạt động của Công ty năm 2023

Với vai trò là công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty holdings, là đầu mối định hướng, hỗ trợ các đơn vị trong hệ thống ELECTRIC về chiến lược sản xuất kinh. Công ty triển khai các chiến lược chính trong năm 2023 như sau:

- Phối hợp cùng Tập đoàn GELEX đổi mới hoạt động kiểm tra, giám sát, định hướng, hỗ trợ thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư tại Công ty và các CTTV nhằm mục tiêu hoàn thành cao nhất KHKD được phê duyệt.
- Tập trung vào công tác quản lý, quản trị chung toàn hệ thống nhằm tiết giảm chi phí, quản trị tối ưu hàng tồn kho, khoản phải thu, vốn lưu động, ..., ứng dụng công nghệ vào quản trị, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD tại các đơn vị.
- Định hướng tăng cường công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.
- Tăng cường xúc tiến, khởi tạo các cơ hội kinh doanh mới: tìm kiếm thị trường xuất khẩu, khai thác cơ hội kinh doanh thông qua M&A, ...
- Triển khai chính sách nhân sự kế thừa của Tập đoàn: quy hoạch, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tại Công ty và các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của hệ thống.

- Nghiên cứu phương án/Thực hiện cấu trúc lại sở hữu vốn tại một số doanh nghiệp nhằm bổ sung nguồn vốn, nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động đầu tư chiến lược khác của Công ty. Đồng thời, huy động và sử dụng các nguồn vốn, nguồn lực tài chính hiệu quả, tận dụng lợi thế cộng hưởng của Tập đoàn.

3. Công tác tổ chức hoạt động của HĐQT

Với KHKD năm 2023, định hướng phát triển của Công ty và các chiến lược đã đặt ra, HĐQT xác định tiếp tục hoạt động trên tinh thần hiệu quả và minh bạch với các giải pháp:

- Củng cố, nâng cao năng lực quản trị, phát huy tối đa kỹ năng, kinh nghiệm, chuyên môn của thành viên HĐQT trong công tác quản lý.
- Sát sao, hỗ trợ Tổng Giám đốc, Ban điều hành và Người đại diện vốn trong việc hoạch định các chiến lược sản xuất, kinh doanh, đầu tư và giám sát việc thực hiện các chiến lược này một cách có hiệu quả.
- Xây dựng văn hóa làm việc của HĐQT với các nguyên tắc: cẩn trọng, minh bạch, đảm bảo vai trò lãnh đạo hiệu quả của HĐQT.

Để đạt được mục tiêu, kế hoạch năm 2023, HĐQT mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, chia sẻ và hợp tác của các cổ đông nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê chuẩn và thông qua toàn văn báo cáo.

Nơi nhận:

- ĐHĐCD;
- TV HĐQT;
- Ban TK HĐQT;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Văn Tuấn



Số: 01/2023/BC-BKS

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tại Đại hội cổ đông thường niên 2023

Kính thưa: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Điện lực GELEX

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (ELECTRIC) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của ELECTRIC được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2022.

Ban kiểm soát Công ty báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2022 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát và Báo cáo tự đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát

1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm, Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Giám sát báo cáo tài chính giữa năm và báo cáo tài chính năm 2022;
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022, giám sát việc chấp hành pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế, quy trình của Công ty và Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị;
- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý, điều hành chung trong năm 2022;
- Kiểm tra tính hợp lý, trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập BCTC;
- Rà soát giao dịch bên liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

Trong năm 2022, ngoài các cuộc họp thường kỳ (04 lần/năm), Ban kiểm soát cũng tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận, thống nhất một số nội dung hoạt động của Ban kiểm soát, các vấn đề phát sinh cũng như trao đổi công tác chuyên môn, ... với sự tham gia của đầy đủ các thành viên Ban kiểm soát.

Tổng thù lao Ban kiểm soát đã nhận trong năm 2022 là 240.000.000 đồng.

2. Báo cáo tự đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên ban kiểm soát

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã phối hợp với Ban điều hành và các Phòng ban của Công ty thực hiện công tác kiểm soát hiệu quả, báo cáo kiểm soát đảm bảo minh bạch, trung thực. Các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện đúng và đủ trách nhiệm được giao một cách trung thực, cần trọng tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.



II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản lý, giám sát Công ty và Ban điều hành Công ty trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị như sau:
 - Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT, đáp ứng công tác quản lý, điều hành của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và của Công ty.
 - HĐQT đã thực hiện chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Các thành viên HĐQT đều có tinh thần trách nhiệm, phát huy được vai trò quản lý, điều hành doanh nghiệp.
2. Trong năm HĐQT ban hành 91 Nghị quyết và Quyết định, trong đó phê duyệt một số vấn đề quan trọng liên quan tới hoạt động của Công ty như sau:
 - Thông qua chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và các Đại hội đồng cổ đông bất thường; thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022 và các lần tạm ứng cổ tức năm 2021, 2022;
 - Quyết định phê duyệt lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là công ty kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2022;
 - Thông qua các giao dịch với bên liên quan năm 2022;
 - Thay đổi nhân sự Người đại diện phần vốn của Công ty và công tác nhân sự tại một số công ty con của Công ty, thống nhất phương án thay đổi nhân sự một số ban chuyên môn Công ty;
 - Cho ý kiến với Người đại diện vốn tại các đơn vị thành viên về một số nội dung liên quan đến hoạt động của đơn vị thành viên như phương án nhân sự, đầu tư dự án, điều chỉnh dự án đầu tư, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch chuyển lợi nhuận, các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của đơn vị thành viên;
 - Ban hành hành Quy chế Người đại diện vốn của Công ty tại các Doanh nghiệp, Hệ thống phân quyền của HĐQT Công ty, Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty;
 - Thông qua phương án chuyển nhượng cổ phần của CTCP Điện lực GELEX tại CTCP Hạ tầng GELEX, phê duyệt phương án và việc ký kết, thực hiện giao dịch nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần CTCP sản xuất Thiết bị điện Đông Anh do Công ty CP Thiết bị điện sở hữu;
 - Thông qua việc thực hiện chào mua công khai và phê duyệt Phương án chào mua công khai cổ phiếu của công ty con Công ty cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam và Công ty cổ phần Thiết Bị Điện; Thông qua việc góp vốn thành lập doanh nghiệp - Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX;
 - Thông qua đầu tư dự án công trình văn phòng làm việc trụ sở Công ty;
 - Thông qua việc thế chấp tài sản của Công ty để đảm bảo cho nghĩa vụ của Công ty mẹ trong giao dịch phát hành và chào bán trái phiếu riêng lẻ, không chuyển đổi;

III. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

Để thực hiện theo chiến lược phát triển Công ty được HĐQT phê duyệt, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tổ chức hoạt động kinh doanh theo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy định quản lý của Nhà nước, của Công ty. Cụ thể:

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2022

Năm 2022, doanh thu thuần hợp nhất của Công ty là 16.665 tỷ đồng, đạt 87% so với kế hoạch; lợi nhuận hợp nhất của Công ty là 1.120 tỷ đồng, đạt 56% so với kế hoạch;

- Hoạt động đầu tư của Công ty:

Trong năm 2022, Công ty đã chủ trương thực hiện cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư tại một số đơn vị. Cụ thể:

- Công ty đã thoái một phần vốn tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex dẫn tới giảm sở hữu tại Công ty này từ 22,4% xuống 14,06%;
- Công ty đã nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Công ty cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh do Công ty cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI) sở hữu;
- Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con, cụ thể tăng tỷ lệ sở hữu tại THIBIDI từ 85,23% lên 90,71%;
- Góp 5,1 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ sở hữu 51% thành lập Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX.

- Hoạt động tài chính:

- Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời triển khai các Nghị quyết, Quyết định về việc huy động vốn ngân hàng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Hoạt động khác:

- Công tác lập, kiểm toán, cung cấp báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán và kiểm toán;

IV. Sự phối hợp hoạt động của BKS với Ban điều hành Công ty.

Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với Ban điều hành Công ty, thể hiện:

- Ban kiểm soát nhận được các tài liệu, thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp và quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.
- Ban kiểm soát được Ban điều hành cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty trong các quý, năm khi có yêu cầu.

V. Tình hình triển khai hoạt động SXKD năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Đại hội đồng Cổ đông cổ đông thường niên

1.1. Về phân phối lợi nhuận sau thuế và trả cổ tức:

Công ty đã thực hiện trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 tại nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 như sau:

Ngày chốt danh sách	Ngày chi trả	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)	Ghi chú
05/05/2022	20/05/2022	10%	300.000.000.000	Nguồn trả cổ tức này từ lợi nhuận giữ lại năm 2021 chuyển sang
08/06/2022	28/06/2022	6%	180.000.000.000	

Năm 2022, căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022, Nghị quyết số 48/2022/GE/NQ-HĐQT, HĐQT Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức cụ thể như sau:

Ngày chốt danh sách	Ngày tạm ứng	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)	Ghi chú
08/12/2022	28/12/2022	10%	300.000.000.000	Nguồn trả cổ tức này từ lợi nhuận giữ lại năm 2022 và nằm trong kế hoạch chi trả cổ tức mà ĐHĐCĐ đã phê duyệt

- 1.2. Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán các BCTC năm 2022 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
- 1.3. Công ty đã ký kết, thực hiện các hợp đồng mua bán vật tư, hợp đồng đi vay, giao dịch đảm bảo với các bên liên quan của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Công ty.
- 1.4. Bảng tổng hợp các chỉ tiêu chính về thực hiện kế hoạch SXKD:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2022 theo NQĐHĐCĐ	Thực hiện 2022	
				Giá trị	So với KH 2022
1	Doanh thu thuần	Trđ	19.110.000	16.664.673	87%
2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	2.000.000	1.120.354	56%

VI. Việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022

- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Theo ý kiến của Kiểm toán viên, Báo cáo tài chính năm 2022 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

VII. Kết luận và kiến nghị

1. Kết luận

- Các hoạt động của Công ty trong năm 2022 tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

2. Kiến nghị

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đề xuất Ban điều hành Công ty như sau:

- Duy trì tốt công tác quản trị, điều hành, tạo điều kiện để Công ty tiếp tục phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu ĐHĐCĐ giao, đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông cũng như đảm bảo chế độ cho người lao động;
- Thường xuyên cập nhật các quy định, chính sách mới của pháp luật được ban hành đã, đề nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành triển khai rà soát các quy trình, quy chế nội bộ để sửa đổi, bổ sung đồng bộ, tạo thuận lợi cho việc áp dụng thống nhất trong Công ty.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. Ban kiểm soát trân trọng cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi của Quý cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành công ty trong năm vừa qua.

Kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe, chúc Đại hội thành công rực rỡ.

Trân trọng cảm ơn!

**T.M BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Huyền



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

*(Sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-
ĐHĐCĐ, ngày 19/04/2023)*

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2023

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày 29 tháng 08 năm 2016, là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

f) *Công ty* là Công ty Cổ phần Điện lực Gelex;

g) *Công ty con* là bất kỳ công ty nào mà trong đó Công ty sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó, hoặc có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/Giám đốc của công ty đó, hoặc có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

h) *Công ty liên kết* là Công ty trong đó Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết nhưng không phải là công ty con hoặc theo các quy định của pháp luật liên quan.

i) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

j) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

k) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

l) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

m) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Công ty;

o) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

p) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.



3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ CON DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 2. Hình thức, tên gọi và trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Công ty là Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam, thành lập và chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX**
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **GELEX ELECTRICITY JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **GELEX ELECTRIC., JSC**

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.73012344

Fax: 024.36255297

Email: ge@gelex-electric.com

Website: Gelex-electric.com

4. Hội đồng quản trị Công ty quyết định việc thành lập hoặc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Con dấu của Công ty

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu (hoặc mẫu dấu) chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.

2. Công ty có 01 con dấu. Người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý, sử dụng, đóng vào các văn bản Công ty phát hành và lưu giữ con dấu tại trụ sở Công ty và chỉ được mang con dấu ra khỏi trụ sở chính khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Công ty kinh doanh những ngành, nghề sau:

STT	NGÀNH, NGHỀ	MÃ NGÀNH
1.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
2.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
3.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu.	2599
4.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
5.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
6.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện <i>Chi tiết: Sản xuất năng lượng, phân phối và chuyên tải đặc biệt, máy phát điện, tập trung, bộ chuyển mạch và tổng đài, rơ le và điều khiển công nghiệp.</i>	2710
7.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
8.	Sản xuất đồ điện dân dụng <i>Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện nhỏ và đồ gia dụng bằng điện, máy hút bụi dùng trong gia đình, quạt gia dụng, máy giặt gia dụng, máy lau sàn điện gia dụng, thiết bị là, thiết bị nấu ăn gia dụng, tủ lạnh gia dụng, tủ ướp lạnh, các thiết bị gia dụng chính bằng điện hoặc không bằng điện, như máy rửa bát, bình đun nước, máy nghiền rác. Nhóm này bao gồm các thiết bị có điện, gas hoặc các nguồn năng lượng khác.</i>	2750
9.	Sản xuất thiết bị điện khác <i>Chi tiết: Sản xuất thiết bị điện dùng trong công nghiệp và nông nghiệp. Sản xuất các loại thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện hạ thế, trung thế và cao thế đến 500 KV.</i>	2790 (Chính)
10.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
11.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
12.	Sửa chữa thiết bị điện <i>Chi tiết: Sửa chữa các loại thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện hạ thế, trung thế và cao thế đến 220 KV.</i>	3314

13.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
14.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
15.	Sản xuất điện Trừ: Truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia	3511
16.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Hoạt động phát điện - Hoạt động bán buôn điện - Hoạt động bán lẻ điện Trừ: Truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia	3512
17.	Xây dựng công trình điện Trừ: Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội	4221
18.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
19.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
20.	Xây dựng công trình thủy Trừ: Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội	4291
21.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
22.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
23.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
24.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
25.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.</i> Trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.	4649
26.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước	4652

	ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.	
	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; <p>27. - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. <p>Trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.</p>	4659
28.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Trừ dầu thô và dầu đã qua chế biến.	4661
29.	<p>Bán buôn kim loại và quặng kim loại</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn quặng sắt và quặng kim loại màu; - Bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh; - Bán buôn bán thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu; (Trừ mua, bán vàng miếng, kim loại quý) 	4662
30.	<p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, 	4669

	<p>methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh, ...;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; <p>Trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.</p>	
31.	<p>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <p><i>Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt, gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ thiết bị gia dụng; - Bán lẻ nhạc cụ; - Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng. <p>Trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.</p>	4759
32.	<p>Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán lẻ của các đại lý hương hoa hồng (ngoài cửa hàng) - Ngoại trừ đấu giá. <p>Trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước</p>	4799

	ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.	
33.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Trừ: Hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê; Dịch vụ kiểm tra và đánh giá an toàn thông tin mạng	6311
34.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí. Trừ: Dịch vụ kiểm tra và đánh giá an toàn thông tin mạng	6399
35.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết:</i> - <i>Thiết kế quy hoạch xây dựng (Khoản 7 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</i> - <i>Thiết kế xây dựng công trình (Khoản 8 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng), bao gồm:</i> + <i>Thiết kế kiến trúc công trình;</i> + <i>Thiết kế kết cấu công trình dân dụng – công nghiệp;</i> + <i>Thiết kế cơ – điện công trình;</i> + <i>Thiết kế cấp – thoát nước công trình;</i> + <i>Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;</i> - <i>Giám sát thi công xây dựng (Khoản 9 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng);</i> - <i>Tư vấn đầu thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư về lựa chọn nhà thầu);</i> - <i>Quản lý dự án (Khoản 9 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng).</i>	7110

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Công ty hoạt động nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.

1. Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề của Công ty quy định tại Điều lệ này và được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định thay đổi hoặc mở rộng phạm vi kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là: 3.000.000.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Ba nghìn tỷ đồng*).

Số cổ phần: 300.000.000 cổ phần.

Loại cổ phần: 300.000.000 cổ phần phổ thông.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/1 cổ phần (*Bằng chữ: Mười nghìn đồng/Một cổ phần*).

Điều 7. Tỷ lệ góp vốn của cổ đông sáng lập Công Ty

1. Tỷ lệ góp vốn của các cổ đông sáng lập Công ty:

- Công ty cổ phần Tập đoàn **GELEX** Góp 2.399.956.000.000 VNĐ tương đương 239.995.600 cổ phần chiếm 80% vốn điều lệ Công ty

- Ông **Phạm Minh Hiếu** Góp 22.000.000 VNĐ tương đương 2.200 cổ phần chiếm 0,001% vốn điều lệ Công ty

- Bà **Tống Thị Phương Dung** Góp 22.000.000 VNĐ tương đương 2.200 cổ phần chiếm 0,001% vốn điều lệ Công ty

2. Vốn điều lệ Công ty có thể được góp bằng tiền, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác được pháp luật cho phép tùy từng thời điểm.

Điều 8. Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Công ty có thể chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ theo các hình thức sau đây: chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, chào bán cổ phần riêng lẻ, chào bán cổ phần ra công chúng, và hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật tùy từng thời điểm.

3. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty nếu Công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;
 - b. Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
 - c. Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 113 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 9. Thông tin cổ đông sáng lập Công ty

1. Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100512 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và thay đổi từng thời điểm;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 52, phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn Tuấn (chức vụ: Tổng Giám đốc).

2. Ông Phạm Minh Hiếu

Sinh ngày: 19/10/1985;

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Hộ khẩu thường trú: Số 91 Hàng Bạc, phường Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam;

Chỗ ở hiện tại: Số 91 Hàng Bạc, phường Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam;

Giấy chứng minh nhân dân số: 012294221 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 24/6/2010.

3. Bà Tống Thị Phương Dung

Sinh ngày: 31/8/1984;

Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Hộ khẩu thường trú: 124 Ngô Quyền, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam;

Chỗ ở hiện tại: 124 Ngô Quyền, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam;

Căn cước công dân số: 035184001034 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 17/6/2016.

Điều 10. Các loại cổ phần

1. Công ty phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.
2. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
3. Công ty có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:
 - a. Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
 - b. Cổ phần ưu đãi cổ tức;
 - c. Cổ phần ưu đãi hoàn lại.
 - d. Cổ phần ưu đãi khác theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật về chứng khoán.
4. Chỉ có tổ chức được Chính phủ uỷ quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sau thời hạn đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.
5. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ Công ty quy định hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
6. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
7. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty có thể được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Cổ phiếu có

thẻ ghi tên hoặc không ghi tên. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp, cụ thể bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b. Mã số doanh nghiệp;
 - c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - e. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức;
 - f. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
 - g. Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
 - h. Các nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.
4. Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần có thể được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in cổ phiếu. Quy định tại Khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản lưu ký chứng khoán mở tại thành viên lưu ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
- Cổ đông thanh toán các chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông hoặc Danh sách người sở hữu chứng khoán (hoặc tài liệu tương đương) của Công ty được lưu giữ tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (hay Tổng Công ty Lưu ký Chứng khoán và bù trừ Việt Nam) (“VSD”). Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của chính cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc VSD.
4. Trường hợp cổ đông có thay đổi thông tin đã đăng ký thì phải thông báo kịp thời với Công ty để thực hiện việc cập nhật/điều chỉnh thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông hoặc Danh sách người sở hữu chứng khoán (hoặc tài liệu tương đương) của Công ty tại VSD. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 13. Cổ phần ưu đãi biểu quyết và quyền của cổ đông ưu đãi biểu quyết

1. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông. Số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Điều lệ Công ty quy định.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền sau đây:
 - a. Biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này;
 - b. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế.

Điều 14. Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ đông ưu đãi cổ tức

1. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:
 - a. Nhận cổ tức với mức theo quy định tại khoản 1 Điều này;
 - b. Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản;
 - c. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Cổ phần ưu đãi hoàn lại và quyền của cổ đông ưu đãi hoàn lại

1. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 16. Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập

1. Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán tại thời điểm đăng ký kinh doanh và phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty phải thông báo việc góp vốn cổ phần đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trụ sở chính;
 - b. Tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán, số cổ phần các cổ đông sáng lập đăng ký mua;

- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông sáng lập là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc số đăng ký kinh doanh, trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần đăng ký mua, số cổ phần và trị giá cổ phần đã thanh toán, loại tài sản góp vốn cổ phần của từng cổ đông sáng lập;
 - d. Tổng số cổ phần và giá trị cổ phần đã thanh toán của các cổ đông sáng lập;
 - e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về các thiệt hại đối với Công ty và người khác do thông báo chậm trễ hoặc thông báo không trung thực, không chính xác, không đầy đủ.
3. Trường hợp có cổ đông sáng lập không thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua thì số cổ phần chưa góp đủ đó của cổ đông sáng lập được xử lý theo một trong các cách sau đây:
- a. Các cổ đông sáng lập còn lại góp đủ số cổ phần đó theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty;
 - b. Một hoặc một số cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần đó;
 - c. Huy động người khác không phải là cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần đó; người nhận góp vốn đó đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty. Trong trường hợp này, cổ đông sáng lập chưa góp cổ phần theo đăng ký đương nhiên không còn là cổ đông của Công ty.
- Khi số cổ phần đăng ký góp của các cổ đông sáng lập chưa được góp đủ thì các cổ đông sáng lập cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số cổ phần chưa góp đủ đó.
4. Trường hợp các cổ đông sáng lập không đăng ký mua hết số cổ phần được quyền chào bán thì số cổ phần còn lại phải được chào bán và bán hết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
5. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó.
6. Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các hạn chế của quy định này không áp dụng đối với cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và cổ phần mà cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập của Công ty.

Điều 17. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
- c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Đại hội đồng cổ đông Công ty quy định.

2. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần được quyền chào bán và bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty. Thủ tục chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu tuân theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan khác.

3. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp 2020. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán khi Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.

5. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và theo yêu cầu của cổ đông, Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại. Quy định tại Khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản lưu ký chứng khoán mở tại thành viên lưu ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

8. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp 2020 được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông. Quy định tại Khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản lưu ký mở tại thành viên lưu ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

9. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật

Điều 18. Phát hành trái phiếu

1. Công ty cổ phần có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện phát hành, thẩm quyền thông qua phương án phát hành trái phiếu của Công ty và các nội dung liên quan khác thực hiện theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp có liên quan.

3. Trường hợp Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Chứng khoán và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

Điều 19. Mua cổ phần, trái phiếu

Trừ trường hợp pháp luật điều chỉnh hoạt động của Công ty có quy định khác, Cổ phần, trái phiếu của Công ty cổ phần có thể được mua bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 20. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 20.1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Cổ đông thanh toán chi phí liên quan đến việc định giá nêu trên.

Điều 21. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 2.1.3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 22. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp 2020 nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp 2020 được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 Luật Doanh nghiệp 2020. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

Điều 23. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi đủ các điều kiện sau đây:

- a. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- b. Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật
- c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày kết thúc họp đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức.

4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

5. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty thực hiện các thủ tục phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật chứng khoán. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 24. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại Khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 25. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông,
2. Hội đồng quản trị,
3. Ban kiểm soát, và
4. Tổng giám đốc.

Điều 26. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam và khi xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 27. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

- a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;
 - c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
 - e. Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 28. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc theo hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định và phù hợp với điều kiện triển khai của Công ty; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc liên quan đến chính cổ đông trong trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần ưu đãi khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:
- a. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 28.3 Điều này;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định sau:

a. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên hoặc tối đa số ứng viên bằng số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu.

b. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên hoặc tối đa số ứng viên bằng số lượng thành viên Ban kiểm soát cần bầu.

Trường hợp tổng số lượng ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần bầu, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát theo quy định pháp luật.

5. Tổ chức là cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được quyền ủy quyền tối đa cho 05 người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

Điều 29. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm

về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.
4. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
 - d. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
 - e. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong

thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự theo các quy định tại Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 31. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty,
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.
- l. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a. Báo cáo tài chính hằng năm;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
- d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 28.2 Điều lệ này ;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 4 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 4 Điều này.
6. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
7. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
8. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
9. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 7 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 28.2 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
10. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
11. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5, Khoản 7 và Khoản 9 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 33. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 32 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Việc lập và công bố thông tin về lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội.
 - f. Thông báo và gửi Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 28.2 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, hoặc thông tin tương đương vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 3 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 3 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều lệ này.
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 35. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước

ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Thông báo được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

2. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại Khoản 2 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 36. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Việc uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản uỷ quyền được lập theo mẫu của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức uỷ quyền, tên cá nhân, tổ chức được uỷ quyền, phạm vi uỷ quyền, thời hạn uỷ quyền, nội dung uỷ quyền và số lượng cổ phần được uỷ quyền, chữ ký của bên uỷ quyền, bên được uỷ quyền và đóng dấu nếu là tổ chức (nếu tổ chức có con dấu).

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp. Trường hợp uỷ quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm bản gốc hoặc bản sao hợp lệ văn bản uỷ quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
4. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Công ty được miễn trừ mọi nghĩa vụ pháp lý liên quan đến việc gian dối, giả mạo giấy ủy quyền (nếu có). Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua vẫn giữ nguyên hiệu lực trong trường hợp có sự gian dối, giả mạo giấy ủy quyền.

Điều 37. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số biểu quyết trở lên;
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp 2020.

Điều 38. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một tờ thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Phiếu biểu quyết có thể được mã hóa để phục vụ cho việc kiểm phiếu bằng phần mềm máy tính. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.
2. Việc bầu Chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
 5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc ban kiểm phiếu công bố trước khi bế mạc cuộc họp;
 6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng;
 7. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - c. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 39. Hình thức Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - b. Tổ chức lại, giải thể Công ty
3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành trừ trường hợp quy định tại điểm (b), (c) Khoản 3, Khoản 5 và Khoản 7 Điều này;
 - b. Đối với nghị quyết về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;
 - c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên

quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 40. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 39 Điều lệ này và trừ trường hợp ĐHĐCĐ thường niên phải được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước ngày hết hạn nhận lại phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông hoặc tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty hoặc ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
- a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu
- Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; Trường hợp Công ty có trang thông tin

điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên Chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (và tài liệu kèm theo nếu có) phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 42. Yêu cầu huỷ bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Điều 28.2 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp 2020; trừ trường hợp quy định tại khoản 39.4 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 43. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 44. Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty, các chỉ tiêu kế hoạch đầu tư hàng năm của Công ty (bao gồm đầu tư dự án, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định, thuê tài chính các nội dung khác theo quy định nội bộ của Công ty);
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán, Giám đốc tài chính/Người phụ trách tài chính, các Giám đốc Khối/Ban/ Giám đốc chuyên môn (hoặc chức danh/vị trí tương đương, ví dụ như Trưởng Ban/Trưởng Phòng trong trường hợp không có Giám đốc Khối/Ban), Giám đốc hoặc Trưởng chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Công ty và quyết định mức lương và các quyền lợi khác của họ;
- d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua/bán cổ phần của doanh nghiệp khác; ban hành các văn bản cần thiết để quản lý phần vốn đầu tư, quản lý người đại diện phần vốn góp của Công ty tại công ty con và các doanh nghiệp khác;
- g. Quyết định cử/thôi/chấm dứt tư cách người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác, điều chỉnh mức tỷ lệ và/hoặc số lượng cổ phần/phần vốn góp được đại diện của những người đại diện vốn đã được cử tại các doanh nghiệp khác. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người này;
- h. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

- i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán theo từng loại;
 - l. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - m. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
 - n. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; quyết định phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi, trái phiếu không kèm chứng quyền;
 - o. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu của Công ty;
 - p. Trình báo cáo tài chính năm, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - q. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 65.3 và 65.4 Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
 - r. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - s. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - t. Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ phần, phần vốn góp ở các doanh nghiệp có cổ phần, phần vốn góp của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - u. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.
 - v. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập, giải thể, chấm dứt hoạt động các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

- b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.
 - d. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - e. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - f. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - g. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền/phân cấp/giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thường trực Hội đồng quản trị, các cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện một phần quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại Điều này.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
7. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 45. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có (05) năm thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá 05 năm (cụ thể theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông). Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Trường hợp có bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào kết thúc nhiệm kỳ thì thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần gần nhất.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo có tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ chức thì đơn từ chức của thành viên Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong thời gian chưa được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, thành viên này vẫn phải tuân thủ các trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.
6. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
 - d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có một hoặc một số Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên mà Chủ tịch Hội đồng quản trị không thực hiện chỉ định Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị thực hiện như vậy thì các thành viên Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đều vắng mặt hoặc tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

6. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm các điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo nhiệm vụ hoặc ủy quyền thường xuyên, phân cấp cho (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện các quyền hạn, trách nhiệm, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về thực hiện các công việc được ủy quyền.

Điều 48. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần.

3. Các cuộc họp bất thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản

nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- b. Ban kiểm soát ;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 Điều 48 Điều lệ này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo mời họp

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Trong trường hợp đột xuất thì thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất một ngày. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng một trong các phương thức sau: thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Điều kiện tiến hành họp

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Họp theo hình thức hội nghị trực tuyến

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua hình thức hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp. Nội dung cuộc họp được lập thành biên bản họp của Hội đồng quản trị như quy định tại Điều lệ này.

11. Hình thức biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

12. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại Điểm 48.12.b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và



lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- c. Theo quy định tại điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ hợp đồng được quy định tại Khoản 5 Điều 65 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

13. Công khai lợi ích

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

14. Nguyên tắc biểu quyết đa số

Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc ủy quyền dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Nghị quyết thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Ngoài việc họp trực tiếp thì Hội đồng quản trị được quyền lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Ý kiến phản hồi bằng văn bản phải có chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị và được gửi cho Hội đồng quản trị chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu hoặc theo thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản lấy ý kiến. Ý kiến trả lời bằng văn bản của các thành viên Hội đồng quản trị phải được tổng hợp thành biên bản kiểm phiếu, theo đó ghi rõ nội dung cần các thành viên cho ý kiến. Các ý kiến trả lời gồm “đồng ý/phản đối/không có ý kiến”. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người ghi biên bản.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 49. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
- i. Họ, tên, chữ ký của những người sau:
 - + Có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản họp; hoặc
 - + Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp; hoặc
 - + Có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung khác theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Trong trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 50. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 51. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp 2020;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất (hoặc lần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản gần nhất), Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 52. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Người phụ trách quản trị mới thay thế
4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Quyết định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được gửi cho các cá nhân, bộ phận có liên quan tại Công Ty và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật liên quan.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 53. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các Giám đốc chuyên môn và các chức danh quản lý khác do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm theo nhu cầu quản trị Công ty từng thời kỳ.

Điều 54. Người điều hành công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị (hoặc cấp được Hội đồng quản trị giao/ủy quyền/phân quyền) quyết định.

Điều 55. Tổng giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; quyết định các giao dịch/hợp đồng không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; quyết định các giao dịch/hợp đồng được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao/ủy quyền/phân quyền; tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các vị trí trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - g. Trong Quý IV hàng năm, trình Hội đồng quản trị xem xét kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
 - i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j. Tuyển dụng lao động, quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành hoặc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành nếu lấy ý kiến bằng văn bản và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trường hợp Tổng giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sẽ không có quyền biểu quyết theo quy định tại Khoản này.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 56. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 43 Điều lệ này.

Điều 57. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba thành viên; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

4. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 58. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.
- c. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- d. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

- e. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty;
 - f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
2. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

Điều 59. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 28.2 Điều lệ này.

5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 28.2 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty

quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

9. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

10. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

11. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

12. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

14. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

15. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 60. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 61. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.

Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 62. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 63. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 64. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột lợi ích về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 65. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

1. Việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các đối tượng này tuân theo quy định tại Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và thẩm quyền phê duyệt tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

2. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

- b. Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;
- c. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trong các trường hợp trên, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch như sau:
 - a. Các khoản vay hoặc bảo lãnh quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Hợp đồng giao dịch quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - c. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản quy định tại điểm c Khoản 2 Điều này có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
4. Trong các trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải thông báo đến các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong

thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điều này. Người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 66. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

CĂN CỨ, PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT HOẶC

KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 67. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao

cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

- b. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d. Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 68. Công khai các lợi ích liên quan

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngành, nghề kinh doanh, của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, mã số doanh nghiệp của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

- a. Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;
- c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;
- d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại khoản 68.3.c Điều này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan và lợi ích liên quan của Công ty một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 69. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG XII

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 70. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty này và các bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XIII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 71. Công nhân viên và công đoàn

1. Trường hợp cần thiết, Tổng giám đốc lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Trường hợp cần thiết, Tổng giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 72. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 73. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, riêng năm đầu tiên hoạt động bắt đầu từ ngày ra hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 74. Chế độ Kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc bất kỳ chế độ kế toán khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

Điều 75. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc tạm ứng này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty và theo quy định tại Khoản 4 Điều 135 Luật Doanh nghiệp;
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản

khác phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện phù hợp với quy định pháp luật, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 76. Việc lập quỹ, nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh:

1. Việc lập quỹ theo quy định của pháp luật do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, lợi nhuận được phân bổ phù hợp với quy định pháp luật.

2. Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- a. Trích từ quỹ dự phòng để bù lỗ theo quy định hiện hành;
- b. Chuyển phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp khắc phục lỗ;

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 77. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 78. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 79. Kiểm toán công ty

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII

GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP

Điều 80. Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

- a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh Nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục mà không thực hiện chuyển đổi;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài.

3. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 81. Thủ tục giải thể doanh nghiệp

Việc giải thể doanh nghiệp được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp. Quyết định giải thể doanh nghiệp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;
- b. Lý do giải thể;
- c. Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp;
- d. Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
- e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và Biên bản họp phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp và đăng quyết định giải thể trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

4. Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự sau đây:

- a. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- b. Nợ thuế và các khoản nợ khác.

Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại thuộc về chủ doanh nghiệp tư nhân, các thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu Công ty theo tỷ lệ sở hữu vốn góp, cổ phần.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Sau 180 ngày, kể từ ngày nhận đc quyết định giải thể mà không nhận được ý kiến về việc giải thể của doanh nghiệp hoặc phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký kinh doanh

Điều 82. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể

Kể từ khi có quyết định giải thể doanh nghiệp, nghiêm cấm doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp thực hiện các hoạt động sau đây:

1. Cất giấu, tẩu tán tài sản;
2. Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;
3. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp;
4. Ký kết hợp đồng mới không phải là hợp đồng nhằm thực hiện giải thể doanh nghiệp;
5. Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;
6. Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;
7. Huy động vốn dưới mọi hình thức khác.

Điều 83. Phá sản doanh nghiệp

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG XVIII

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 84. Giải quyết tranh chấp nội bộ

Các tranh chấp nội bộ giữa Công ty với cổ đông của Công ty, giữa các cổ đông Công ty với nhau liên quan đến thành lập, hoạt động giải thể Công ty trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải. Nếu không được sẽ đưa ra giải quyết tại Toà án nhân dân có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 85. Mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con

1. Công ty mẹ và công ty con có Điều lệ tổ chức và hoạt động riêng, được phê duyệt theo trình tự và thủ tục của pháp luật có liên quan, hoạt động kinh doanh độc lập, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và cổ đông/chủ sở hữu của mình;
2. Công ty mẹ sẽ hỗ trợ cho công ty con bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của công ty con.
3. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại, đầu tư giữa công ty mẹ và công ty con được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Công ty mẹ cử và giao quyền cho người đại diện vốn theo ủy quyền của công ty mẹ quản lý cổ phần/phần vốn góp của công ty mẹ tại công ty con và quản lý việc sử dụng phần vốn của công ty mẹ tại công ty con theo quy định nội bộ của công ty mẹ. Những người đại diện vốn này có thể đồng thời giữ chức danh quản lý, điều hành

- tại công ty con theo các thủ tục đề cử, bầu, bổ nhiệm phù hợp với Điều lệ công ty con và quy định pháp luật.
5. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của công ty mẹ tại công ty con được xác định theo quy định của pháp luật và các quy chế, quy định do công ty mẹ ban hành từng thời kỳ. Người đại diện theo ủy quyền của công ty mẹ có trách nhiệm tuân thủ các quy chế, quy định vừa nêu này, Điều lệ công ty con và các quy định pháp luật có liên quan.
 6. Công ty mẹ thực hiện quyền hạn của mình tại công ty con thông qua người đại diện của mình là thành viên trong Hội đồng quản trị /Ban Tổng Giám đốc hoặc thông qua việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông của công ty con (bằng hình thức cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản).
 7. Công ty mẹ có quyền quản lý, kiểm tra, giám sát việc sử dụng phần vốn của công ty mẹ tại công ty con đồng thời có quyền hỗ trợ công ty con trên một, một số hoặc các mặt hoạt động quản trị, quản lý của công ty con với mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động và/hoặc thúc đẩy tăng trưởng sản xuất, kinh doanh và đầu tư của công ty con. Công ty con và/hoặc Người đại diện vốn theo ủy quyền của công ty mẹ cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết có liên quan của công ty con cho công ty mẹ (hoặc nhân sự do công ty mẹ chỉ định) nhằm phục vụ cho mục tiêu quản lý, kiểm tra, giám sát và hỗ trợ nói trên. Công ty mẹ và nhân sự do công ty mẹ chỉ định có trách nhiệm bảo mật các thông tin, tài liệu đã tiếp nhận ngoại trừ trường hợp thông tin, tài liệu được công bố ra công chúng hoặc các trường hợp cung cấp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, công ty kiểm toán, các bên tư vấn, các bên cấp vốn/thu xếp vốn, hoặc trường hợp khác theo quy định pháp luật.
 8. Công ty mẹ thực hiện việc cử đoàn kiểm tra, tham gia các đoàn kiểm tra việc quản lý, sử dụng phần vốn của công ty mẹ tại công ty con. Phạm vi kiểm tra bao gồm: kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn góp của công ty mẹ tại công ty con; kiểm tra việc thực hiện, triển khai các ý kiến chỉ đạo của công ty mẹ đối với các vấn đề mà người đại diện vốn đã báo cáo/xin ý kiến; kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, nghĩa vụ khác của người đại diện theo Điều lệ công ty mẹ, Điều lệ công ty con, các quy chế nội bộ của công ty mẹ về quản lý người đại diện vốn; kiểm tra các mặt hoạt động kinh doanh nếu thấy cần thiết hoặc theo phê duyệt/thỏa thuận giữa công ty mẹ với công ty con, trên cơ sở phù hợp với pháp luật hiện hành. Ngoài ra, công ty mẹ thực hiện quyền yêu cầu/đề nghị Ban kiểm soát tại công ty con kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty con với vai trò là cổ đông có cổ phần chi phối. Hoạt động kiểm tra được tiến hành định kỳ sau khi có báo cáo kiểm toán hoặc tiến hành đột xuất, bất thường khi cần thiết. Người đại diện vốn có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi nhất để công ty mẹ tiến hành, thực hiện các hoạt động kiểm tra theo quy định tại Khoản này.
 9. Công ty mẹ của Công ty được phép tiến hành hoạt động kiểm toán nội bộ cho các mặt hoạt động của Công ty nhằm hỗ trợ Công ty kịp thời phát hiện, khắc phục,

phòng ngừa các rủi ro có thể phát sinh. Các biện pháp thực thi có thể bao gồm: cử đoàn công tác độc lập hoặc phối kết hợp với Ban kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để tiến hành các cuộc kiểm toán; tổ chức các buổi đào tạo nhằm cải thiện chất lượng kiểm toán nội bộ tại Công ty; các biện pháp khác phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Các cấp quản lý và điều hành tại Công ty tạo mọi điều kiện tốt nhất để phục vụ cho các cuộc kiểm toán như vừa nêu.

10. Công ty mẹ và công ty con có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ của công ty mẹ và quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và quy định khác có liên quan của pháp luật.
11. Trong điều khoản này, công ty mẹ có nghĩa là công ty mẹ của Công ty và công ty con có nghĩa là Công ty.

Điều 86. Điều khoản cuối cùng

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.
3. Điều lệ này được lập thành 18 chương, 86 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua việc sửa đổi, bổ sung tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 ngày 19 tháng 04 năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này ngày 19/04/2023.
4. Điều lệ được lập thành một (01) bản gốc bằng tiếng Việt và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền hợp lệ.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty



Nguyễn Trọng Trung